



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG  
NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG**

**BẢN CÁO BẠCH**

Hồ Chí Minh, Tháng 11 năm 2017

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

-----o0o-----

## BẢN CÁO BẠCH

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 06 năm 2017)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

### TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số ...../ĐKNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2017)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương**  
Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: 028 3810 7899 Fax: 028 3810 7218  
Email: [info@dongduongcorp.com.vn](mailto:info@dongduongcorp.com.vn) Website: [www.dongduongcorp.com.vn](http://www.dongduongcorp.com.vn)
- Công ty cổ phần Chứng Khoán SJC**  
Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: 02839119999 Fax: 02839118888  
Email: [info@sjcs.com.vn](mailto:info@sjcs.com.vn) Website: [www.sjcs.com.vn](http://www.sjcs.com.vn)

### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông : Trần Kim Cương  
Chức vụ : Phó Tổng giám đốc  
Điện thoại : 0909809 868

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 06 năm 2017)*

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3810 7899

Fax: 028 3810 7218

Email: [info@dongduongcorp.com.vn](mailto:info@dongduongcorp.com.vn)

Website: [www.dongduongcorp.com.vn](http://www.dongduongcorp.com.vn)



## **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

<b>Tên cổ phiếu:</b>	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
<b>Loại cổ phiếu:</b>	Cổ phiếu phổ thông
<b>Mệnh giá:</b>	10.000 đồng/cổ phiếu
<b>Tổng số lượng niêm yết:</b>	12.000.000 cổ phiếu
<b>Tổng giá trị niêm yết:</b>	120.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

❖ Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, phường 4, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0283832 8964

Fax: 0283834 2957

Email: [info@aisc.com.vn](mailto:info@aisc.com.vn)

Website: [www.aisc.com.vn](http://www.aisc.com.vn)

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

❖ Công ty cổ phần Chứng Khoán SJC

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0283911 9999

Fax: 0283911 8888

Email: [info@sjcs.com.vn](mailto:info@sjcs.com.vn)

Website: [www.sjcs.com.vn](http://www.sjcs.com.vn)

# MỤC LỤC

ĐƠN VỊ

<b>PHẦN I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>	<b>5</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp .....	8
3. Rủi ro đặc thù .....	8
4. Rủi ro biến động chứng khoán .....	11
5. Rủi ro khác .....	11
<b>PHẦN II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CAO BẠCH.....</b>	<b>12</b>
1. Tổ chức đăng ký giao dịch .....	12
2. Tổ chức tư vấn .....	12
<b>PHẦN III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....</b>	<b>13</b>
<b>PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT. 15</b>	
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty .....	19
3. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	20
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 28/11/2017 .....	26
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc quyền chi phối .....	27
6. Hoạt động kinh doanh.....	28
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	51
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành .....	53
9. Chính sách đối với người lao động.....	56
10. Chính sách cổ tức.....	60
11. Tình hình hoạt động tài chính .....	60
12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	80
13. Tài sản.....	90
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo .....	93
15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn niêm yết về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	98
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết .....	99

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu đăng ký niêm yết ..... 99

**PHẦN V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ..... 100**

1. Loại chứng khoán ..... 100

2. Mệnh giá ..... 100

3. Mã chứng khoán ..... 100

4. Tổng số chứng khoán đăng ký niêm yết ..... 100

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành: ..... 100

6. Phương pháp tính giá:..... 101

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài ..... 102

8. Các loại thuế có liên quan ..... 103

**PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .... 104**

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN..... 104

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN..... 104

**PHẦN VII. PHỤ LỤC ..... 105**

## **PHẦN I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

### **1. Rủi ro về kinh tế**

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Rủi ro về kinh tế là một rủi ro hệ thống, được tạo ra bởi sự thay đổi của các yếu tố vĩ mô như: tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ tăng trưởng, lãi suất, và các yếu tố tăng trưởng ngành. Nắm bắt được những rủi ro này giúp Công ty có thể dự báo được mức độ tác động, giảm thiểu những rủi ro xấu và tận dụng được những rủi ro tốt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **❖ Rủi ro tăng trưởng kinh tế**

Công ty Đông Dương là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp năng lượng phân tán (hơi nhiệt - điện), các Nhà máy sản xuất điện từ năng lượng mới, nhà máy xử lý chất thải rắn phát điện, các nhà máy sản xuất có sử dụng hơi nhiệt - điện. Với đặc điểm ngành nghề hoạt động luôn gắn với các doanh nghiệp khác nên luôn có dòng tiền qua lại với các doanh nghiệp, trong đó chủ yếu là công nợ phải thu qua quá trình làm dịch vụ, nên các yếu tố môi trường kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các chỉ số về lạm phát và lãi suất có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới tính hiệu quả kinh tế và quá trình phát triển của Công ty.

Năm 2017, cả nước tiếp tục Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm từ 2016 đến 2020, trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu vẫn đang dần phục hồi sau khủng hoảng kinh tế, song tốc độ phục hồi chậm hơn so với dự báo của các chuyên gia kinh tế thế giới. Theo tổng cục thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 2017 tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó, quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%, đây là mức tăng ngoạn mục, ngoài dự đoán của các chuyên gia và tổ chức tài chính kinh tế trên thế giới, đồng thời hoàn thành xuất sắc mục tiêu 6,7% đề ra từ đầu năm. Khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 2,77 điểm phần trăm, tăng 8% so với năm 2016, đứng thứ 2 về mức đóng góp vào mức tăng GDP 2017 (chỉ sau khu vực dịch vụ). Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 7,85%, cao hơn 0,79% so với con số của năm 2016, với điểm sáng là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng cao nhất trong 7 năm trở lại đây, đạt mức 14,40%.<sup>1</sup> Lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp hơi nhiệt - điện mà Công ty hiện đang hoạt động cũng là một phần trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

Theo báo cáo của Cục đầu tư nước ngoài (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư) nhận định Việt Nam như một 'thời nam châm' thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng rất nhiều từ đầu tư FDI và trong năm 2016 lĩnh vực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế vĩ mô chính là ngành công nghiệp chế tạo, gắn với xuất khẩu từ khu vực FDI. Tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam, trong 2017, đã đạt mức kỷ lục, lên tới 25,48 tỷ USD, tăng 34,3% so với cùng kỳ năm 2016; trong đó vốn giải ngân FDI cũng bất ngờ tăng mạnh, đạt 12,5 tỷ USD, tăng 13,4%. Hơn thế nữa, tính đến tháng 11 tháng năm 2017, tổng nguồn vốn đầu tư nước

<sup>1</sup>Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê

ngoài FDI đổ vào Việt Nam đã lên tới khoảng 33,09 tỷ USD, tăng 82,8% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó, tính riêng tháng 11 con số này đã là 5 tỷ USD. Trong 11 tháng năm 2017, cả nước có 2.293 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký là 19,8 tỷ USD, tăng 52% so với cùng kỳ năm 2016.<sup>2</sup> Bên cạnh đó, có khoảng 1.000 dự án và 4.535 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 5,29 tỷ USD, tăng 57,6% so với cùng kỳ 2016; đăng ký điều chỉnh vốn với tổng giá trị tăng lên khoảng 8 tỷ USD, tăng 57,6% so với cùng kỳ năm 2016. Trong 19 ngành có nguồn vốn FDI đổ vào, ngành công nghiệp chế biến chế tạo vẫn giữ được vị trí cao nhất trong khả năng thu hút vốn FDI với tổng số vốn lên tới 14,95 tỷ USD, chiếm 45,2% tổng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam trong 11 tháng năm 2017. Theo số liệu thống kê đến tháng 11 tháng năm 2017, những dự án hàng tỷ USD trong lĩnh vực năng lượng đã đưa Nhật Bản trở thành quốc gia đứng đầu trong việc đầu tư vào Việt Nam năm 2017, với tổng số vốn khoảng 8,84 tỷ USD, chiếm 27% tổng số vốn FDI, tiếp theo đó là Hàn Quốc và Singapore. Tuy nhiên nếu tính lũy kế những dự án còn hiệu lực từ các năm trước cho tới hết tháng 11 năm 2017, thì vị trí đứng đầu về giá trị đầu tư vẫn thuộc về Hàn Quốc, và các vị trí ngay sau là Nhật Bản và Singapore.<sup>3</sup> Như vậy, hai ngành công nghiệp chế biến chế tạo và ngành năng lượng đang và sẽ trở thành những ngành thu hút vốn FDI nhiều nhất vào Việt Nam, đây cũng là hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh mà Công ty có tham gia. Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục duy trì là địa phương thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất với tổng số vốn đăng ký là 5,68 tỉ USD, chiếm 17,2% tổng vốn đầu tư, tính đến hết tháng 11 năm 2017. Theo một thống kê chưa chính thức của các chuyên gia kinh tế, tổng mức vốn đầu tư nước ngoài FDI vào Việt Nam 2017 đã đạt 35 tỷ USD.

Những diễn biến chung của nền kinh tế, cũng như là ngành, lĩnh vực hoạt động luôn ảnh hưởng tới sự phát triển của các thành phần kinh tế, khi nền kinh tế ở chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh sẽ là động lực để phát triển doanh nghiệp và ngược lại sẽ là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Là doanh nghiệp chủ yếu trong lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng các hệ thống hơi nhiệt – điện, Công ty cũng sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ từ việc nền kinh tế trong nước và thế giới thay đổi.

#### ❖ **Rủi ro lạm phát, tỷ giá và lãi suất**

Là một thành phần kinh tế và có mảng hoạt động liên quan tới thương mại, rủi ro về lạm phát và chỉ số giá tiêu dùng sẽ ảnh hưởng lớn tới việc xác định chính sách giá cả và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty. Cùng với đó, đặc điểm lĩnh vực hoạt động của Công ty là các khoản công nợ thường chiếm tỷ trọng cao trong tài sản và nguồn vốn nên rủi ro về lãi suất cũng ảnh hưởng trực tiếp tới chính sách công nợ, tính hiệu quả kinh tế trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, hệ thống cung cấp hơi nhiệt là một hệ thống công nghệ cao và rất phức tạp, ngoài những chi tiết có thể nội địa hóa, Công ty cũng cần sử dụng những sản phẩm tinh xảo từ nước ngoài, vì vậy, rủi ro liên quan tới yếu tố nước ngoài như tỷ giá, chỉ số giá xuất nhập khẩu,... cũng phần nào tác động đến giá thành sản phẩm và kết quả hoạt động của Công ty.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2017 tăng 0,21% so với tháng trước, trong đó nhóm giao thông tăng 0,84%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,22% do

<sup>2</sup>Nguồn thông tin từ website: [www.vneconomy.vn/](http://www.vneconomy.vn/)

<sup>3</sup>Nguồn thông tin từ website: [www.cafef.vn/](http://www.cafef.vn/)

giá gas, giá dầu hỏa và giá điện, nước sinh hoạt được điều chỉnh tăng, cùng với nhu cầu sửa chữa nhà ở tăng cao trong những tháng cuối năm; các nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,23%, trong đó lương thực tăng 0,56%, thực phẩm giảm 0,5%. CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI tháng 12/2017 tăng 2,6% so với tháng 12/2016, bình quân mỗi tháng tăng 0,21%. Lạm phát cơ bản tháng 12/2017 tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 1,29% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân năm 2016.

Theo các chuyên gia tài chính, mặt bằng lãi suất trên thị trường tài chính năm 2017 cơ bản được giữ ổn định, lãi suất tiền gửi có xu hướng tăng nhẹ vào cuối năm do nhu cầu sử dụng vốn của các doanh nghiệp vào cuối năm thường tăng, trong khi các ngân hàng đang thiếu nguồn vốn huy động hiệu quả. Điều này cũng dẫn tới lãi suất vay liên ngân hàng cũng nhích lên nhẹ vào quý IV năm 2017. Tham khảo lãi suất trung bình năm 2017 của 5 ngân hàng lớn là: AgriBank, BIDV, VietinBank, Vietcombank, Techcombank, lãi suất gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng là 5,3%, lãi suất gửi tiết kiệm 12 tháng là 6,65%, lãi suất 24 tháng là 6,75%, và tương tự cho lãi suất 36 tháng. Mức lãi suất này chỉ nhỉnh hơn mức lãi suất trung bình năm 2016 khoảng 0,1 – 0,3%, và có xu hướng tăng nhẹ vào cuối năm đối với lãi suất có kỳ hạn dài như 24 tháng và 36 tháng, và giảm nhẹ đối với lãi suất có kỳ hạn ngắn trong cùng thời gian.<sup>4</sup> Trong hai tháng cuối năm 2017, để thu hút thêm nguồn vốn nhân rộng trong xã hội, nhằm phục vụ nhu cầu vốn rất lớn vào cuối năm của các doanh nghiệp, nhiều ngân hàng đã mạnh dạn tăng lãi suất tiền gửi. Các ngân hàng lớn như VPBank đã tăng lãi suất kỳ hạn 12 tháng lên 0,1% lên 6,8%/năm và kỳ hạn 15 tháng lên 0,2% lên 6,9%/năm; BIDV, VietinBank, Sacombank,... cũng có những mức tăng từ 0,2% đến 0,5% đối với các khoản tiết kiệm dài hạn.<sup>5</sup> Lãi suất tiết kiệm tăng nhẹ kéo theo sự tăng tương ứng đối với lãi suất cho vay liên ngân hàng so với mức lãi suất cho vay trung bình năm 2016. Tính đến cuối năm 2017, kỳ hạn dưới 6 tháng phổ biến ở mức 4,8 - 5,4%/năm; kỳ hạn 6 - 12 tháng phổ biến từ 5,6 - 7%/năm; kỳ hạn trên 12 tháng khoảng 7 - 7,8%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến khoảng 6 - 9%/năm, trung và dài hạn từ 9,3 - 11%/năm. Tuy nhiên, các ngân hàng cũng rất linh động đối với các khách hàng tiềm năng và các khách hàng thân thiết. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, một số khách hàng tốt được cho vay với lãi suất từ 4% đến 5% đối với các khoản vay ngắn hạn. Trong báo cáo Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, dự báo lãi suất nửa đầu năm 2018 sẽ vẫn còn tiếp tục tăng nhẹ do sức ép của nhu cầu sử dụng vốn trong nền kinh tế, và việc tăng lãi suất này không chỉ phục vụ đầu ra mà còn đảm bảo các chỉ số thanh khoản cho nền kinh tế.<sup>6</sup> Do đặc điểm hoạt động kinh doanh với công nợ lớn nên rủi ro lãi suất luôn ảnh hưởng tới tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong ngắn hạn, yếu tố lãi suất chưa thực sự ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất do ban lãnh đạo Công ty luôn có được sự chủ động và những điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành quản lý. Tuy nhiên, trong dài hạn cùng với sự biến động ngày càng phức tạp là một yếu tố rủi ro tài chính, áp lực tăng lãi suất của hệ thống tín dụng, sẽ tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

<sup>4</sup>Nguồn thông tin từ website: [www.vietnamfinance.vn/](http://www.vietnamfinance.vn/)

<sup>5</sup>Nguồn thông tin từ website: [www.thoibaotaichinhvietnam.vn/](http://www.thoibaotaichinhvietnam.vn/)

<sup>6</sup>Nguồn thông tin từ website: [www.cafef.vn/](http://www.cafef.vn/)



Trong năm 2017, tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ được đánh giá là khá ổn định, mặc dù thị trường tài chính quốc tế có nhiều biến động phức tạp. Theo thống kê chưa chính thức của các chuyên gia tài chính, tỷ giá đồng Việt Nam với các ngoại tệ khác chỉ biến động trong khoảng 1 – 2% trong cả năm 2017. Tuy nhiên đang có sự biến động trái chiều giữa tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước công bố và tỷ giá giao dịch thực tế tại các ngân hàng thương mại. Theo quan sát của Công ty Chứng khoán Bảo Việt (BVSC), tỷ giá trung tâm đã liên tục được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh, tuy mức độ tăng qua từng phiên không quá lớn. Tính chung trong 3 quý đầu năm, tỷ giá trung tâm tăng 1,4% so với thời điểm cuối năm 2016. Trong khi đó, tỷ giá bình quân liên ngân hàng lại gần như không có thay đổi so với thời điểm đầu năm. Dự báo đầu năm 2018, tỷ giá sẽ có nhiều biến động phức tạp vì nhu cầu ngoại tệ, đặc biệt là các đồng trong rổ tham chiếu, sẽ tăng mạnh do yếu tố mùa vụ xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, đồng USD có thể sẽ bật tăng mạnh trở lại trước khả năng Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đẩy nhanh tiến trình thu hẹp bảng cân đối kế toán bằng cách không tái đầu tư vào trái phiếu chính phủ Mỹ tiếp tục tăng lãi suất; cũng như khả năng các công ty lớn của Mỹ sẽ chuyển khoản lợi nhuận tích lũy ở nước ngoài về nước, khi chính sách cắt giảm thuế của tổng thống Donald Trump được Quốc hội Mỹ thông qua và đi vào thực tế. Trên thực tế, sản phẩm của Công ty chủ yếu phục vụ cho khách hàng trong nước, và phần trăm nội địa hóa của các sản phẩm dịch vụ của Công ty là rất cao. Tuy nhiên, một số thiết bị, chi tiết máy mà Công ty phải nhập từ các nước Châu Âu, Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc sẽ chịu ảnh hưởng từ thay đổi tỷ giá. Bên cạnh đó, định hướng dài hạn của ban lãnh đạo Công ty là có thể xuất khẩu các sản phẩm nhiên liệu Biomass cho thị trường Nhật, Hàn Quốc và một số nước Châu Âu. Do đó, bất cứ sự thay đổi nào về tỷ giá đều sẽ gây ra những biến động trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Giống như các doanh nghiệp khác đang hoạt động sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương sẽ phải chịu sự điều chỉnh, tác động và chi phối của hệ thống pháp luật trong nước như: Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư.... Bên cạnh đó, Doanh nghiệp đã là công ty đại chúng nên Công ty cũng như là cổ phiếu Công ty còn chịu sự tác động của của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Việt Nam hiện vẫn là một nước đang phát triển nên luật và các văn bản luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay Công ty đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh nên phần nào đã thích nghi với những sự thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam.

## **3. Rủi ro đặc thù**

Định hướng của Công ty là phát triển hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các Nhà máy cung cấp hơi nhiệt – điện, đây là một lĩnh vực có những rủi ro đặc thù riêng mà không phải ngành nào cũng có. Một số rủi ro đặc thù được Công ty xác định như: rủi ro từ thị trường cạnh

tranh; rủi ro về thiên tai ảnh hưởng tới nguồn cung ứng nguyên liệu và công cụ đầu vào, đầu ra; rủi ro gián đoạn trong quá trình hoạt động của khách hàng.

### 3.1. Rủi ro từ thị trường cạnh tranh

Lĩnh vực đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện là một trong những lĩnh vực “kén chọn” công ty hoạt động: với những đặc thù vốn lớn, công nghệ cao, quản lý chuyên nghiệp, đầu tư hệ thống, công nợ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp...Tuy nhiên, sự cạnh tranh trong lĩnh vực này không phải là không có. Do định hướng của Công ty là xây dựng hệ thống đồng phát: cung cấp hơi nhiệt – điện cho các đơn vị cố uy tín, tiềm năng và qui mô lớn cho các cụm công nghiệp nên việc cạnh tranh cũng chỉ giới hạn. Hiện tại chỉ có một số nhà cung cấp hơi nhiệt (khoảng 5-7 đơn vị) (Năng lượng Xanh, Tín Thành, Kim Trường Phúc, Sao Việt, Trầu Việt...) nhưng không có Điện. Ngoài ra, hiện có nhiều công ty nhỏ cũng tham gia vào thị trường bán hơi nhiệt, một số công ty hoạt động trong mảng năng lượng sạch, năng lượng tái sinh khi thấy cơ hội cũng tham gia vào lĩnh vực cung cấp hơi nhiệt.

Hiện tại, Công ty xác định thị trường chính vẫn là các tỉnh phía Nam bao gồm Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố lân cận như Đồng Nai, Bình Dương, Đồng bằng Sông Cửu Long. Việc chưa mở rộng thị trường hoạt động do thị trường còn quá rộng, công ty chưa đủ nhân lực và chưa tìm được các nguồn vốn phù hợp.

Bên cạnh việc phải cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước, Công ty còn phải cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Khi mà các nguồn vốn nước ngoài FDI ngày càng tập trung vào lĩnh vực công nghệ chế tạo và năng lượng sạch, thì việc các doanh nghiệp nước ngoài sẽ thâm nhập vào thị trường đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện là điều tất yếu. Họ thường là những công ty lớn với cả trình độ công nghệ cao, tiềm lực tài chính mạnh và nhân lực chất lượng cao. Điều này có thể sẽ tạo ra môi trường cạnh tranh hơn trong lĩnh vực hoạt động của công ty.

### 3.2. Rủi ro từ thiên tai

Những rủi ro này ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động của Công ty, chủ yếu là khâu vận chuyển của các yếu tố đầu vào đầu ra của quá trình hoạt động kinh doanh. Đầu vào của Doanh nghiệp thường là những thiết bị máy móc nhập từ nước ngoài hoặc từ các doanh nghiệp sản xuất thiết bị ở trong nước, nhưng thường là từ các tỉnh thành khác. Cùng với đó, việc thiết kế, lắp đặt và xây dựng hệ thống hơi nhiệt đều được thực hiện tại doanh nghiệp đối tác, do đó việc vận chuyển các trang thiết bị, máy móc phục vụ cho công việc này là rất cần thiết và diễn ra thường xuyên. Các yếu tố thiên tai như bão lũ, sạt lở đất,... ảnh hưởng rất lớn tới khâu vận chuyển thiết bị máy móc của Công ty trong quá trình thi công, lắp đặt và xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện. Hiện nay, để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách đa dạng hóa nguồn cung ứng đầu vào nhằm đảm bảo cho hoạt động kinh doanh diễn ra xuyên suốt, xây dựng một đội ngũ dự báo nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của thị trường trong ngắn và trung hạn, giúp Doanh nghiệp có những chính sách dự trữ hợp lý, đồng thời, sát sao trong việc theo dõi dự báo thiên tai trong nước và quốc tế, nhằm dự phòng những rủi ro có thể xảy ra, giảm thiểu tối đa những sự cố dẫn tới việc chậm bàn giao cho khách hàng, đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Mặc dù, Công ty đã và đang thuê những chuyên gia đánh giá về vị trí địa lý khí hậu nhằm đưa ra những dự báo chính xác nhất có thể, giảm thiểu tối đa rủi ro về thiên tai, tuy nhiên, những rủi ro này là khó có thể lường hết, một khi rủi ro xảy ra, nó sẽ ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty, thậm chí có thể làm trì trệ hoạt động của Công ty trong thời gian dài, gây thiệt hại nặng nề đối với hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp.

### 3.3. Rủi ro về công nghệ

Lĩnh vực thiết kế, lắp đặt, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện là một lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, khi mà các sản phẩm của nó đều được kết tinh từ các trang thiết bị máy móc và phương thức hoạt động dựa theo công nghệ hiện đại. Hiện tại, Công ty đang sở hữu độc quyền công nghệ Lò hơi tầng sôi đốt Biomass do chính những đội ngũ kỹ sư của Doanh nghiệp chế tạo ra, được đánh giá là một công nghệ tiên tiến bậc nhất trong thị trường lò hơi, nồi hơi của Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, Công ty cũng đang chuyển giao các công nghệ khác như: công nghệ sấy cô đặc (dùng trong sấy nông sản, sấy gỗ, sấy các sản phẩm bột công nghiệp,...), công nghệ liên quan tới xử lý môi trường (xử lý rác thải công nghiệp và dân dụng để chuyển hóa thành năng lượng nhiệt), công nghệ sản xuất Silica từ tro trấu, sản xuất bột giấy từ rơm rạ, và công nghệ sản xuất phân bón. Những công nghệ này đang rất cần thiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, trong thời đại công nghệ thay đổi từng giờ như hiện nay các công nghệ mà Công ty đang triển khai áp dụng sẽ nhanh chóng trở nên lạc hậu. Điều này đòi hỏi đội ngũ kỹ sư, nghiên cứu của Công ty cần phải không ngừng sáng tạo, học hỏi, đổi mới và cập nhật những công nghệ hiện đại trên thế giới, nhằm tạo ra được những công nghệ thuần Việt có chất lượng cao, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, nhưng đồng thời bảo vệ được môi trường sống xung quanh của người dân. Việc định hướng hoạt động theo hướng đồng phát hơi nhiệt - điện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa: các cụm công nghiệp là hướng đi mới của Công ty, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Mặc dù đầu tư ban đầu lớn nhưng hiệu quả mang lại lâu dài là cao, tính cạnh tranh của Công ty tăng lên do không có nhiều đơn vị trong nước có thể thực hiện được hệ thống đồng phát hơi nhiệt – điện. Công ty tự thiết kế hệ thống và đặt hàng trong cũng như ngoài nước các thiết bị cần thiết.

### 3.4. Rủi ro từ việc gián đoạn sản xuất kinh doanh

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới việc gián đoạn sản xuất như: khâu vận chuyển gặp vấn đề trực tiếp, hỏng hóc máy móc trong quá trình vận hành, hay gián đoạn nguồn trang thiết bị đầu vào. Với uy tín của mình đối với khách hàng, Công ty luôn lấy chất lượng và thời gian làm hai tiêu chí quan trọng bậc nhất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Nếu việc gián đoạn diễn ra, Công ty bị ảnh hưởng rất lớn tới uy tín đang tạo dựng trên thị trường, cùng với đó là những rắc rối nghiêm trọng đối với những hợp đồng, đơn hàng tiếp theo, khi không thể xử lý kịp thời, gây thiệt hại cho cả khách hàng và Doanh nghiệp, thậm chí có nguy cơ mất bạn hàng. Chính vì thế, nhằm đối phó với rủi ro trên, Công ty luôn chủ động tìm các nguồn cung ứng khác nhau, tìm kiếm các đối tác chuyên logistics và vận chuyển trên các địa bàn hoạt động của Công ty, xây dựng một đội ngũ chuyên viên kỹ thuật có kinh nghiệm, kiến thức và năng động, luôn sẵn sàng đến từng cơ sở của khách hàng để giúp họ xử lý sự cố nhanh nhất có thể, giảm thiểu thiệt hại, đồng thời, tiến hành bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị máy móc và các công cụ sản xuất cho khách hàng cũng như là thăm

định chất lượng hàng tồn kho của Doanh nghiệp, nhằm đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra một cách liên tục và đồng bộ, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các đơn hàng.

#### **4. Rủi ro biến động chứng khoán**

Công ty là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực cung cấp hơi nhiệt – điện cho các nhà máy công nghiệp trên toàn quốc. Công ty tiến hành niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, do đó sẽ gặp khá nhiều những rủi ro từ thị trường chứng khoán. Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Khi cổ phiếu của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty,.... Để giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty đã ban hành Quy trình Công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Công ty và các cá nhân có liên quan đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

#### **5. Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như hỏa hoạn, chiến tranh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Hỏa hoạn có thể gây thiệt hại rất lớn về người và của, từ việc phá hủy một phần đến phá hủy hoàn toàn cơ sở hạ tầng, nhà xưởng máy móc, trang thiết bị của Công ty. Ngoài ra, rủi ro chiến tranh nếu xảy ra sẽ làm ngưng trệ mọi hoạt động kinh tế - chính trị - xã hội nói chung của một đất nước, và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng.

**PHẦN II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**1. Tổ chức đăng ký niêm yết**

Bà	: <b>Trần Kim Sa</b>	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Bà	: <b>Ngô Hoàng Yến</b>	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông	: <b>Nguyễn Văn Thảo</b>	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết và quản lý, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

**2. Tổ chức tư vấn**

Ông	: <b>Huỳnh Anh Tuấn</b>	Chức vụ: Tổng giám đốc
-----	-------------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần chứng khoán SIC tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương cung cấp.

### **PHẦN III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

- 1/ **“Công ty”**: Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 06 năm 2017.
- 2/ **“Bản cáo bạch”**: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- 3/ **“Cổ phần”**: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- 4/ **“Cổ phiếu”**: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một cổ phần của Công ty.
- 5/ **“Cổ đông”**: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- 6/ **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.
- 7/ **“Điều lệ công ty”**: Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
- 8/ **“Đại hội đồng cổ đông”**: Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
- 9/ **“Hội đồng quản trị”**: Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
- 10/ **“Ban kiểm soát”**: Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
- 11/ **“Ban Tổng giám đốc”**: Ban Tổng giám đốc của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
- 12/ **“Vốn điều lệ”**: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
- 13/ **“Tổ chức đăng ký niêm yết”**: Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
- 14/ **“Tổ chức kiểm toán”**: Công ty hợp danh kiểm toán Việt Nam

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- **TTCK** : Thị trường chứng khoán
- **UBCKNN** : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- **HNX** : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- **TTLK** : Trung tâm Lưu ký
- **TVLK** : Thành viên Lưu ký
- **DHĐCD** : Đại hội đồng cổ đông
- **HDQT** : Hội đồng quản trị
- **BKS** : Ban kiểm soát
- **TGD** : Tổng giám đốc
- **BGD** : Ban Tổng giám đốc
- **CBCNV** : Cán bộ công nhân viên
- **TNDN** : Thu nhập doanh nghiệp
- **TSCĐ** : Tài sản cố định
- **TSLĐ** : Tài sản lưu động
- **VSCH** : Vốn chủ sở hữu
- **Giấy ĐKKD** : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- **Số CMND** : Số chứng minh nhân dân
- **BCTC** : Báo cáo tài chính
- **BCDKT** : Bảng cân đối kế toán
- **KCN** : Khu công nghiệp
- **CP** : Cổ phiếu
- **CĐ** : Cổ đông
- **CTCP** : Công ty cổ phần
- **DVT** : Đơn vị tính

**PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

❖ **Giới thiệu về Công ty:**

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**
- Tên tiếng Anh : **INDOCHINE IMPORT EXPORT INDUSTRIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **INDOCHINE IMEX., JSC**
- Trụ sở chính : 308 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 3810 7899 – 3810 7669
- Fax : 028 3810 7218 - 3810 7219
- Email : info@dongduongcorp.com.vn
- Website : www.dongduongcorp.com.vn
- Logo :



- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 120.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 06 năm 2017
- Mã số doanh nghiệp: 0310103090
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Kim Sa – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 12/01/2017

❖ **Ngành nghề kinh doanh chính:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/06/2010, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 22/06/2017, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (không hoạt động tại trụ sở)	3520



2	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn khí đốt và sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG). Bán buôn mùn cưa, tro trấu, bã mía.	4661
3	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3821
4	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bột cá (nguyên liệu từ cá)	1079
5	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2512
6	Sản xuất nồi hơi (từ nồi hơi trung tâm) (không hoạt động tại trụ sở)	2513

(Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

❖ **Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương được thành lập ngày 25 tháng 06 năm 2010 theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu và có trụ sở chính tại đường Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, ban đầu lấy tên là Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Giáo dục Đông Thành với vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Ngày 09/05/2011 Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương đồng thời chuyển trụ sở Công ty về địa chỉ 467 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 4.

Ngày 15/07/2014, Công ty trở thành thành viên của Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam VPPA.



Ngày 05/09/2015, để tăng nguồn vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu

tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 18. Tại thời điểm này, trụ sở chính của Công ty đã chuyển về số 04 Đồng Nai, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 14/06/2016, Công ty tiến hành chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 19 với vốn điều lệ là 80 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 04 Đồng Nai, Phường 02, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 06/07/2016 Công ty tiến hành đổi trụ sở từ địa chỉ 04 Đồng Nai qua 3A Đồng Nai, Phường 2, Quận Tân Bình theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 20.

Ngày 09/09/2016, với nhu cầu đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng, thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 21.

Ngày 22/06/2017 Công ty tiến hành đổi trụ sở từ địa chỉ 03A Đồng Nai qua 308 Cộng Hòa với vốn điều lệ 120 tỷ đồng, theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 22.

Sau hơn 7 năm hoạt động đến nay công ty Đông Dương đã trở thành một công ty có mức độ phát triển ấn tượng, một thương hiệu uy tín được bạn hàng và đối tác lựa chọn. Công ty đang tập trung vào các lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện, một lĩnh vực nhiều tiềm năng phát triển nhưng cũng không thiếu những thách thức đòi hỏi ban lãnh đạo doanh nghiệp cũng như tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty cần phải nỗ lực để có những bước nhảy vọt hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Vốn điều lệ thực góp tính đến thời điểm hiện tại của Công ty là 120 tỷ đồng.

Ngày 12/01/2017, Công ty đã nhận được công văn chấp thuận đăng ký công ty đại chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, kể từ ngày này Công ty đã trở thành công ty đại chúng.

#### ❖ **Quá trình tăng vốn Điều lệ của Công ty**

Từ khi chuyển đổi loại hình công ty từ công ty TNHH sang công ty Cổ phần, Công ty đã tiến hành 01 (một) đợt tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng, cụ thể như sau:

##### ▪ **Cơ sở pháp lý:**

Nghị quyết ĐHĐCĐ số 18/2016/DDG/QĐ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương ngày 01/09/2016 thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng và phương án phát hành 4 triệu cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 thay đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 09 năm 2016.

##### ▪ **Chi tiết đợt phát hành:**

Vốn điều lệ trước khi phát hành	: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)
Vốn điều lệ sau khi phát hành	: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng)
Hình thức phát hành	: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
Hình thức góp vốn	: Góp vốn bằng tiền

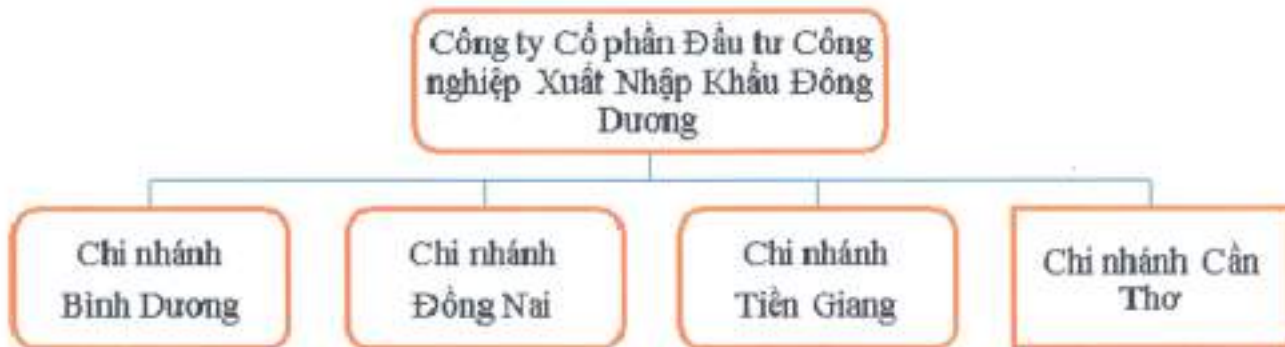
Số lượng cổ đông hiện hữu	: 03 cổ đông
Tỷ lệ phát hành	: 2:1 (cổ đông sở hữu 02 cổ phần cũ có quyền mua 01 cổ phần phát hành mới)
Số lượng cổ đông mua	: 03 cổ đông
Số lượng cổ phần phát hành	: 4.000.000 cổ phần ( <i>Bốn triệu cổ phần</i> )
Số lượng cổ phần thực mua	: 4.000.000 cổ phần ( <i>Bốn triệu cổ phần</i> )
Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phần
Giá trị phát hành thực mua	: 40.000.000.000 đồng ( <i>Bốn mươi tỷ đồng</i> )
Ngày hoàn thành đợt phát hành	: 03/10/2016
Mục đích tăng vốn	: tăng vốn nhằm phục vụ cho việc góp vốn hợp tác kinh doanh, cụ thể: góp 20 tỷ với công ty TNHH đầu tư công nghiệp Đông Thành để đầu tư dự án "Gia công thiết bị, lắp đặt và cung cấp hệ thống lò hơi cho công ty TNHH thức ăn gia súc Lái Thiêu; góp 20 tỷ với công ty cổ phần xây dựng và cơ khí An Thái để đầu tư vào dự án "Gia công thiết bị, lắp đặt và cung cấp hệ thống lò hơi cho công ty TNHH giấy Xuân Mai
Thực tế sử dụng vốn	- Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, cụ thể: thanh toán tiền hàng cho các đối tác và tiền vay của ngân hàng: 20 tỷ đồng - Góp vốn vào công ty TNHH đầu tư công nghiệp Đông Thành: 20 tỷ đồng

▪ **Danh sách cổ đông mua cổ phần trong đợt phát hành:**

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần đã nắm giữ (cổ phần)	Số cổ phần mua thêm (cổ phần)	Tổng số cổ phần đang nắm giữ (cổ phần)
1	TRẦN NGỌC PHỤNG	1.600.000	800.000	2.400.000
2	TRẦN KIM SA	3.200.000	1.600.000	4.800.000
3	NGUYỄN THANH QUANG	3.200.000	1.600.000	4.800.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>12.000.000</b>

Hiện tại, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 120.000.000.000 tỷ đồng (*Một trăm hai mươi tỷ đồng*).

**2. Cơ cấu tổ chức của Công ty**



❖ Trụ sở chính theo Giấy ĐKKD

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3810 7899

Fax: 028 3810 7218

❖ Chi nhánh Bình Dương

Địa chỉ: Lô E, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng thần 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

❖ Chi nhánh Đồng Nai

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Tân Lập, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

❖ Chi nhánh Tiền Giang

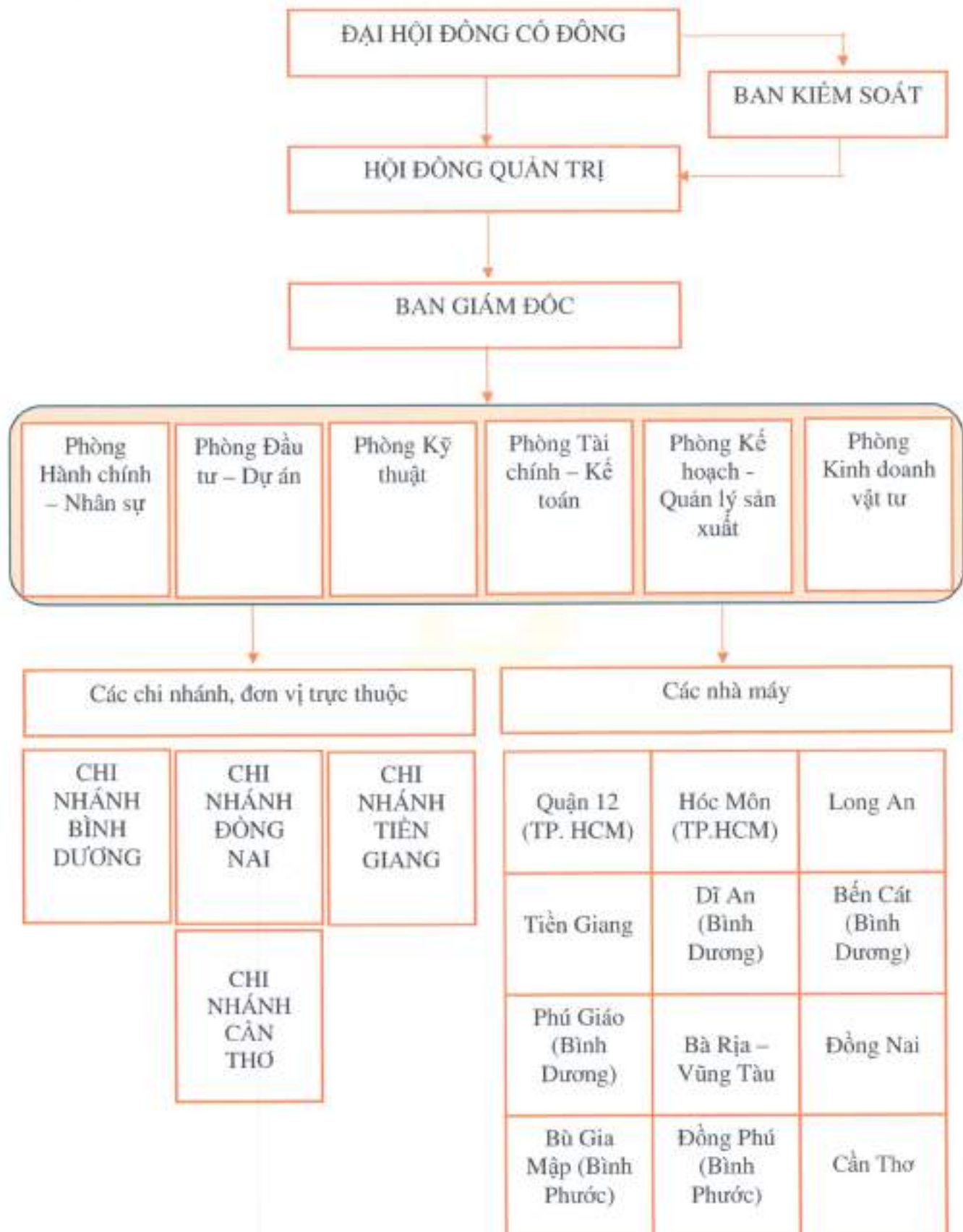
Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

❖ Chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ: Lô 2.9A6 Đường số 6, KCN Trà Nóc 2, Phước Thới, Ô Môn, TP. Cần Thơ

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý

#### 3.1. Sơ đồ:



### 3.2. Diễn giải sơ đồ:

#### ❖ Đại hội đồng cổ đông

DHĐCD gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được điều lệ công ty và pháp luật liên quan quy định:

- Thông qua định hướng phát triển công ty;
- Tỷ lệ trả cổ tức hàng năm;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Bầu và bãi miễn HĐQT, BKS;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành;
- Tổ chức lại và giải thể Công ty.

#### ❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCD thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCD;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCD;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

#### ❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCD và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCD báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCD bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

#### ❖ Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực

hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

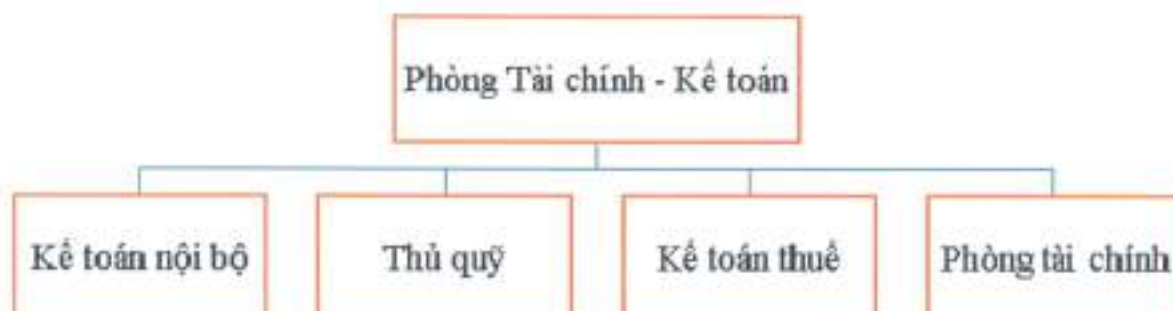
❖ **Chức năng các phòng ban**

➤ **Phòng Hành chính – Nhân sự**

Phòng Hành chính – Nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV;
- Thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty;
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động, kế hoạch tiền lương hàng năm;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại;
- Quản lý toàn bộ tài sản, trang thiết bị văn phòng của Công ty;
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng giám đốc Công ty.

➤ **Phòng Tài chính – Kế toán**



Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng giám đốc; Thông qua tình hình tài chính giúp Tổng giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền;
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ;
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính;
- Phân tích tình hình tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Tổng giám đốc.

➤ **Phòng Đầu tư – Dự án**

Phòng Đầu tư có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Soạn thảo và tham mưu cho Lãnh đạo Công ty, ký kết các Hợp đồng kinh tế. Theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế đã ký, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- Lập quyết toán các sản phẩm hoàn thành và thanh lý các hợp đồng kinh tế;
- Lập dự án đầu tư các công trình phù hợp với chức năng hoạt động của công ty bao gồm các loại hình công việc sau :
  - Lập báo cáo đầu tư;
  - Lập báo cáo lựa chọn địa điểm;
  - Lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình;
  - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thiết lập quy hoạch chuyên ngành phù hợp với chức năng hoạt động của công ty;
- Thẩm tra dự án đầu tư;
- Tư vấn đấu thầu và quản lý các dự án đầu tư;
- Thực hiện các công việc tư vấn khác theo yêu cầu của công ty.

➤ **Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất và Phòng Kỹ thuật**

Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất và Phòng Kỹ thuật phối hợp với nhau trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn theo chiến lược phát triển; lập báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh;
- Điều phối sản xuất: điều phối hoạt động sản xuất của các đơn vị trong Công ty căn cứ vào năng lực thiết bị và lợi thế từng đơn vị;
- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;
- Hướng dẫn các đơn vị thuộc Công ty xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn và tổng hợp kết quả sản xuất - kinh doanh toàn Công ty. Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh hàng năm của Công ty;



- Xây dựng phương án và theo dõi tiến độ sản xuất, phân công và giao kế hoạch cho các đơn vị thành viên, các phân xưởng. Tổ chức tham gia nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước, xây dựng mối quan hệ với khách hàng. Lập hồ sơ dự thầu, tổ chức đấu thầu và tham gia đấu thầu các công trình, dự án. Tiếp nhận hồ sơ (dự toán, khảo sát, thiết kế...) để xây dựng các hợp đồng kinh tế;
- Cùng các phòng nghiệp vụ Công ty và các đơn vị thành viên để xây dựng đồng bộ các kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tiếp thị và liên kết kinh tế;
- Chuẩn bị các thủ tục cho Tổng giám đốc Công ty giao kế hoạch và xét duyệt hoàn thành kế hoạch của các đơn vị trực thuộc. Giúp Tổng giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch;
- Dựa vào kế hoạch chuyên ngành và hướng phát triển của Công ty (về mục tiêu, quy mô, nhịp độ phát triển kinh doanh, bố trí cơ cấu hợp lý giữa các khâu sản xuất bảo đảm cho quá trình hoạt động thống nhất liên tục và đạt hiệu quả cao). Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đề xuất biện pháp xử lý các vấn đề phát sinh;
- Tham mưu cho ban lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch hợp tác, liên doanh đầu tư trong và ngoài nước;
- Quản lý, cân đối năng lực máy móc thiết bị, công cụ và thực hiện việc điều chuyển, thuê và cho thuê máy móc thiết bị một cách hợp lý để bảo đảm sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty;
- Cập nhật, phân tích và tổng hợp các số liệu để giúp Tổng giám đốc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh được kịp thời;
- Thống kê báo cáo theo chế độ, viết lệnh sản xuất. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ thuộc phòng quản lý. Tuyệt đối giữ gìn bí mật thông tin kinh tế, bí mật sản xuất kinh doanh của đơn vị.

➤ ***Phòng Kinh doanh vật tư***

- Chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển, mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Nghiên cứu và tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác định hướng kinh doanh và xuất nhập khẩu. Đây là chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Phòng Kinh doanh;
- Thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường, chọn lựa sản phẩm chủ lực và xây dựng chiến lược phát triển, thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hội thảo, hội chợ, tìm kiếm đối tác. Thực hiện liên doanh, liên kết, mở rộng mạng lưới kinh doanh trên thị trường nội địa và phát triển kinh doanh xuất, nhập khẩu. Chủ động giao dịch, đàm phán trong và ngoài nước, ký các thư từ, đơn chào hàng, trao đổi thông tin với khách hàng trong nước và nước ngoài trong quá trình giao dịch khi đi đến ký kết hợp đồng kinh doanh của Công ty;
- Chủ động soạn thảo các hợp đồng kinh tế có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổ chức thực hiện đúng quy định các hợp đồng kinh doanh đã được ký kết;
- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu của Công ty như: chuẩn bị nguồn cung ứng xuất khẩu, tiêu thụ hàng nhập khẩu, các khâu giám

định, kiểm dịch, hải quan, giao nhận, bảo hiểm, khiếu nại đòi bồi thường... và đối ngoại như: tìm kiếm giao dịch giữa những người bán và người mua, giải quyết tranh chấp khiếu nại với khách hàng có liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Khai thác, cung ứng vật tư, nguyên nhiên vật liệu thiết bị máy móc phục vụ cho sản xuất kinh doanh theo lệnh của Tổng Giám đốc Công ty;
- Quản lý, bảo quản vật tư, nguyên nhiên vật liệu. Cấp phát vật tư, nguyên nhiên vật liệu theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh để xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư và cung cấp vật tư NVL phục vụ sản xuất cho các đơn vị trong Công ty;
- Xây dựng các chương trình sản xuất hàng năm và dài hạn của Công ty trên cơ sở năng lực, thiết bị và nguồn vật tư nguyên liệu;
- Cung cấp thông tin giá cả thị trường các loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu cho phòng phục vụ cho công tác hạch toán kế toán. Cùng các phòng liên quan xây dựng hồ sơ đấu thầu và ký kết các hợp đồng kinh tế. Báo cáo số lượng, chất lượng vật tư xuất nhập và tồn kho theo chế độ từng tuần, từng tháng. Thống kê chi phí vật tư cho từng sản phẩm;
- Thống kê ghi chép (thẻ kho, phiếu nhập xuất kho, biên bản bàn giao máy móc thiết bị, sổ theo dõi cung cấp vật tư,...) theo quy định của Công ty và Nhà nước. Xây dựng định mức vật tư để không ngừng tiết kiệm trong việc sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh;
- Chịu trách nhiệm thống kê và cung cấp số lượng vật tư đã xuất ra khi phương tiện hoàn thành đối chiếu với dự toán ban đầu để làm cơ sở quyết toán từng phương tiện;
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT và Tổng giám đốc trong việc cùng Phòng Tài chính - Kế toán chủ động khai thác nguồn vốn để đầu tư và phục vụ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

➤ **Các nhà máy**

- Chức năng:
  - Đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của các nhà máy của Công ty trong quan hệ với các đối tác và tổ chức liên quan tại địa phương có quan hệ với Công ty trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty;
  - Điều hành sản xuất sản phẩm theo nhiệm vụ được phân công.
- Nhiệm vụ:
  - Tập trung điều hành ổn định các hoạt động sản xuất sản phẩm tại nhà máy;
  - Tổ chức công tác ký kết, thực hiện hợp đồng kinh tế; Quản lý vốn và tài sản; Tình hình quản lý doanh thu, chi phí; Việc chấp hành các quy định quản lý tài chính của Nhà nước và Quy chế Công ty tại nhà máy;
  - Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh theo quy định gửi về Công ty theo tháng, quý, năm;
  - Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) với Công ty tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy;
  - Lập các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê quý năm;
  - Quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với các Phòng, Ban trực thuộc Công ty;
  - Được chủ động trong nghiên cứu, tìm kiếm thị trường, đối tác;

- o Được tuyển chọn và sử dụng lao động theo yêu cầu công việc;
- o Các nhiệm vụ khác Công ty giao.

➤ **Các chi nhánh**

- Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền.
- Thực hiện phát triển các ngành, nghề kinh doanh được cấp phép trên địa bàn hoạt động và phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp;
- Tổ chức hạch toán kinh tế theo nguyên tắc hạch toán độc lập, thực hiện chế độ báo cáo tài chính định kỳ về trụ sở chính theo quy định của Công ty. Thực hiện việc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả tăng trưởng và chiến lược của chi nhánh hàng năm;
- Xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý của chi nhánh theo mô hình và định hướng của HĐQT và chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc Công ty;
- Soạn thảo những biên bản pháp lý phục vụ cho các hoạt động của chi nhánh, dựa trên những văn bản pháp lý của Công ty;
- Phối hợp với Công ty và các chi nhánh khác trong việc phục vụ và khai thác thị trường, khách hàng mục tiêu;
- Chăm lo đời sống của CBCNV tại chi nhánh;
- Thực hiện báo cáo với các cơ quan quản lý Nhà nước tại các địa phương mà chi nhánh hoạt động.

**4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 28/11/2017**

❖ **Cơ cấu cổ đông của Công ty**

*Bảng 1*

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>107</b>	<b>12.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100</b>
1	Tổ chức	1	100.000	1.000.000.000	0,83
2	Cá nhân	106	11.900.000	119.000.000.000	99,17
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Tổ chức	0	-	-	-
2	Cá nhân	0	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>107</b>	<b>12.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100</b>

*(Nguồn: Sổ cổ đông CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương ngày 28/11/2017)*

❖ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần**

*Bảng 2*

STT	Họ và tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND	Số lượng CP Sở hữu	Tỷ trọng (%)
1	Trần Kim Sa	592 Nguyễn Duy, phường 10, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	022557947	1.500.000	12,50
2	Nguyễn Thanh Quang	22/9 Yên Thế, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	025719411	1.500.000	12,50
3	Trần Ngọc Phụng	110 Nguyễn Duy, phường 10, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	023885631	1.120.000	9,33
<b>Tổng Cộng</b>				<b>4.120.000</b>	<b>34,33</b>

*(Nguồn: Sổ cổ đông CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương ngày 28/11/2017)*

❖ **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu**

STT	Họ và tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND	Số lượng CP Sở hữu	Tỷ trọng (%)
1	Trần Kim Sa	592 Nguyễn Duy, phường 10, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	022557947	1.500.000	12,50
2	Nguyễn Thanh Quang	22/9 Yên Thế, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	025719411	1.500.000	12,50
3	Trần Ngọc Phụng	110 Nguyễn Duy, phường 10, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	023885631	1.120.000	9,33
<b>Tổng Cộng</b>				<b>4.120.000</b>	<b>34,33</b>

*(Nguồn: Sổ cổ đông CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương ngày 28/11/2017)*

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc quyền chi phối**

**5.1. Danh sách công ty mẹ**

Không có

**5.2. Danh sách công ty con**

Không có

(Trước ngày 23/01/2017, CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương có 01 công ty con là Công ty TNHH Đầu tư phát triển năng lượng Đại Dương với thông tin sau:

- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0312827003 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/06/2014, thay đổi lần thứ 4 ngày 04/03/2016.
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*)
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Sản xuất nồi hơi;
  - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
  - Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
  - Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống.
- Tỷ lệ sở hữu của Đông Dương: 80% (tương đương với 4 tỷ đồng vốn góp)

### **5.3. Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối**

Không có

### **5.4. Danh sách công ty liên kết**

Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Đông Thành

- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0309941637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/04/2010, thay đổi lần thứ 18 ngày 10/06/2017.
- Vốn điều lệ : 45.000.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm tỷ đồng*)
- Địa chỉ: 14F02 đường số 1, Khu dân cư Phú Mỹ, phường Phú Mỹ, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ góp vốn của Đông Dương: 44,44% (tương đương với 20 tỷ đồng vốn góp)

## **6. Hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương tập trung vào lĩnh vực Thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện.

### **6.1. Sản phẩm dịch vụ chính**

#### **➤ Cung cấp hơi**

- Thiết kế, đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp hơi cho khách có nhu cầu trên cơ sở Lò hơi tầng sôi đốt Biomass độc quyền của Công ty;
- Cung cấp các giải pháp tiết kiệm năng lượng, lập phương án kỹ thuật chuyển đổi nhiên liệu tiết kiệm chi phí sản xuất hơi cho các đơn vị sản xuất có nhu cầu.
- Hình ảnh sản phẩm dịch vụ:



Cung cấp hơi cho công ty Bia Heineken Việt Nam ( Heineken Tiền Giang)

➤ **Cung cấp nhiệt**

- Cung cấp nhiệt bằng cách thay thế các nhiên liệu đắt tiền như dầu FO, dầu DO bằng nhiên liệu Biomass thông qua chất tải nhiệt trung gian cung cấp cho các hệ thống cần nhiệt để sấy sản phẩm;
- Cung cấp nhiệt cho khách hàng trong các lĩnh vực: sấy lúa, sấy cao su, sấy mùn cưa, nung gốm sứ, sấy bột giặt, sấy bã sắn, hóa dầu...



Buồng đốt nhiên liệu



Lò dầu tải nhiệt dùng Biomass

- Dự án cung cấp nhiệt:



**Dự án cấp nhiệt công suất: 20 tấn/giờ**  
**Công ty TNHH Linh Hương**



**Dự án cấp nhiệt công suất: 15 tấn/giờ**  
**Công ty Cao Su Mai Vinh**

➤ **Nhiên liệu Biomass**

- Đầu tư hệ thống thu gom, sản xuất nhiên liệu có tính công nghiệp từ các phế phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp: củi trấu, viên trấu, củi mùn cưa, mùn cưa ép khối các loại...
- Xuất khẩu các loại nhiên liệu Biomass (chủ yếu cho thị trường Hàn Quốc, Nhật và Châu Âu).



**Kho nhiên liệu nhà máy sấy mùn cưa**



**Dây chuyền sản xuất nhiên liệu Biomass**

➤ **Nhiên liệu từ phế phẩm**

- Sản xuất và cung cấp nguồn nhiên liệu Biomass rẻ tiền có thể thay thế cho nguồn nhiên liệu dầu FO (hoặc DO) cho các nhà máy trong lĩnh vực như: sấy nông sản, dệt may, bao bì, rượu, cồn, bia, nước giải khát, thực phẩm khô, giấy, nung gốm sứ, sấy bột giặt, sấy gỗ, hóa dầu, dệt nhuộm, kho nhựa đường;
- Đầu tư sản xuất và cung cấp các loại nhiên liệu Biomass như: trấu, mùn cưa, dăm bào, bột gỗ;



**Trấu**



**Dăm bào**



**Mùn cưa**



**Bột gỗ**

- Dầu tư hệ thống thu gom và chế biến nhiên liệu rời thành viên trấu, viên mùn cưa, củi trấu để thay thế nhiên liệu truyền thống.



**Củi mùn cưa**



**Củi trấu**



**Viên nén gỗ mùn cưa**



**Viên mùn cưa nén**





**Viên nén bã mía**



**Mùn cưa ép khối**

➤ **Năng lượng tái tạo –điện rác, điện năng lượng mặt trời, điện gió.**

Công ty Đông Dương định hướng đầu tư phát triển các nhà máy điện rác, kết hợp với các khu liên hợp xử lý rác, đầu tư các nhà máy điện mặt trời tại các vùng có tiềm năng như Nam Trung Bộ và Tây nguyên, Tây Nam Bộ. Các nhà máy điện mặt trời của công ty Đông Dương trong tương lai sẽ có công suất đến vài trăm MW, tương xứng với các nhà máy lớn trên thế giới ở Mỹ, Trung Quốc, Châu Âu.



**Điện năng lượng mặt trời**

❖ Doanh thu từ sản phẩm, dịch vụ các năm:

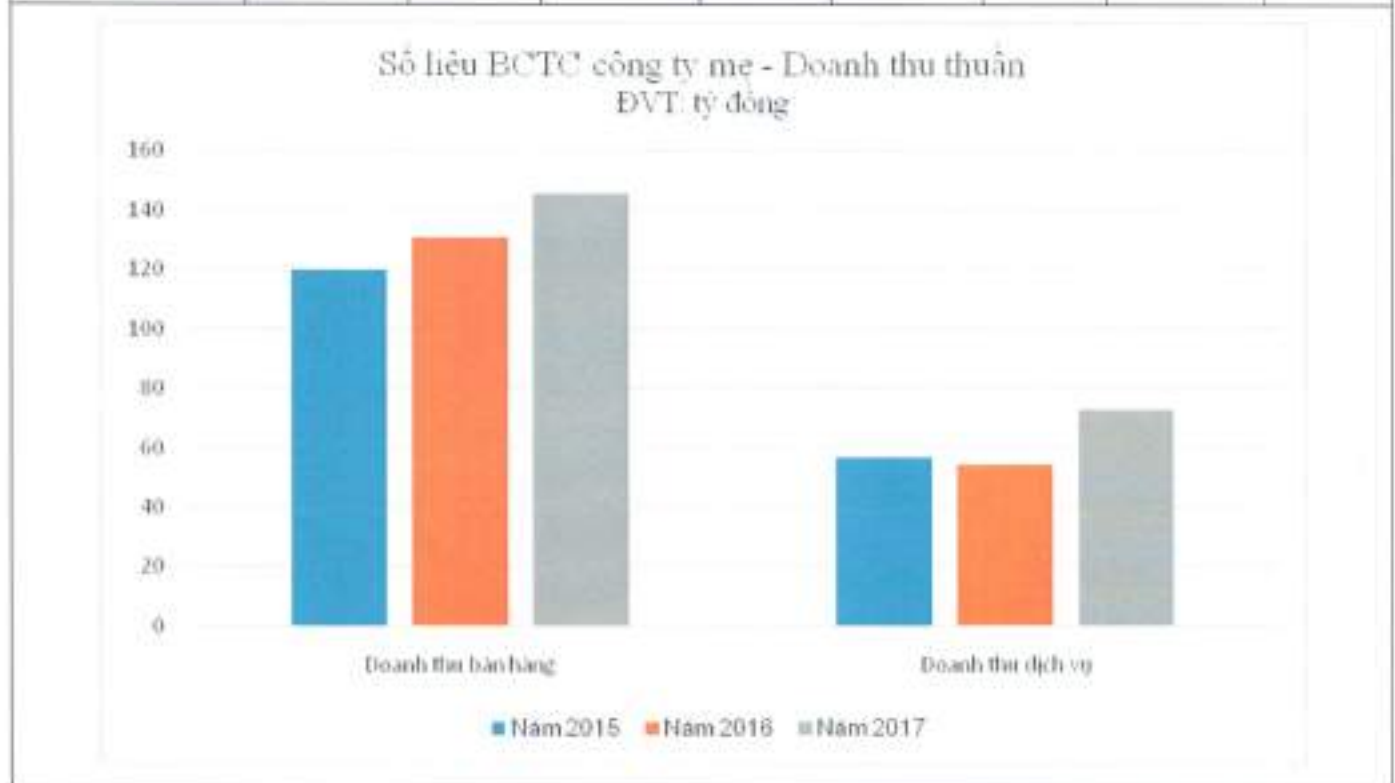
*Cơ cấu doanh thu thuần từng loại sản phẩm và dịch vụ  
2015, 2016 và 2017*

Bảng 3

*DVT giá trị: đồng*

STT	Khoản mục	Năm 2017	%/ Tổng doanh thu thuần	Năm 2016				Năm 2015	%/ Tổng doanh thu thuần
				Từ 14/06/20 16 đến 31/12/20 16 (Giai đoạn 2)	%/ Tổng doanh thu thuần	Từ 01/01/20 16 đến 13/06/20 16 (Giai đoạn 1)	%/ Tổng doanh thu thuần		
<b>I</b>	<b>Số liệu BCTC hợp nhất</b>								
1	Doanh thu bán hàng	-	-	89.284.78 9.740	70,28	43.626.2 70.000	72,41	124.263. 710.260	68,94
2	Doanh thu dịch vụ	-	-	37.749.35 3.616	29,72	16.623.2 18.279	27,59	56.557.3 56.372	31,37
3	Các khoản giảm trừ	-	-	0	0	0	0	569.465. 081	0,31
<b>Tổng doanh thu thuần</b>		-	-	<b>127.034.1 43.356</b>	<b>100</b>	<b>60.249.4 88.279</b>	<b>100</b>	<b>180.251. 601.551</b>	<b>100</b>
<b>II</b>	<b>Số liệu BCTC công ty mẹ</b>								
1	Doanh thu bán hàng	145.814.9 47.000	66,74	89.284.78 9.740	70,28	43.626.2 70.000	72,41	119.692. 710.260	68,23
2	Doanh thu dịch vụ	72.670.33 7.819	33,26	37.749.35 3.616	29,72	16.623.2 18.279	27,59	56.557.3 56.372	32,09

3	Các khoản giảm trừ	-	-	0	0	0	0	569.465.081	0,32
<b>Tổng doanh thu thuần</b>		<b>218.485.284.819</b>	<b>100</b>	<b>127.034.143.356</b>	<b>100</b>	<b>60.249.488.279</b>	<b>100</b>	<b>175.680.601.551</b>	<b>100</b>



(Nguồn: các BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Theo số liệu BCTC công ty mẹ, năm 2015, tổng doanh thu thuần của các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là trên 175,68 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động bán hàng chiếm tỷ trọng lớn 68,13% tổng doanh thu thuần của năm, ở mức trên 119,69 tỷ đồng. Doanh thu từ dịch vụ chỉ bằng xấp xỉ 50% doanh thu bán hàng, đạt mức gần 56,56 tỷ đồng đóng góp 32,19% vào tổng doanh thu thuần 2015.

Năm 2016, Công ty tiến hành chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, tăng vốn điều lệ để đầu tư, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy, trong các bảng số liệu tài chính, hoạt động trong năm 2016 của Công ty sẽ được chia làm 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 13/06/2016) dưới hình thức công ty TNHH và Giai đoạn 2 (từ ngày 14/06/2016 đến ngày 31/12/2016) dưới hình thức CTCP. Nhìn chung, tổng doanh thu thuần năm 2016 tăng nhẹ, hơn 6,60% so với năm 2015, đạt mức xấp xỉ 187,3 tỷ đồng. Doanh thu thuần của công ty TNHH chỉ đạt trên 60 tỷ đồng, doanh thu thuần của CTCP tăng trên 110% so với giai đoạn trước đó, ở mức 127 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn với 70,97%.

tăng gần 3% so với năm ngoái, ở mức gần 133 tỷ đồng, doanh thu từ dịch vụ cung ứng hơi nhiệt chi đóng góp 29,03%.

Năm 2017, doanh thu thuần của Công ty là trên 218,48 tỷ đồng, tăng 16,66% so với tổng doanh thu thuần năm 2016. Trong đó, doanh thu bán hàng vẫn chiếm tỷ trọng cao, khoảng 66,74% tổng doanh thu thuần, đạt mức 145,81 tỷ đồng, tăng trên 9,7% so với năm 2016. Còn lại là doanh thu dịch vụ, chiếm 33,26%, ở mức 72,67 tỷ đồng, tăng đáng kể so với năm 2016, xấp xỉ 33,67%. Nhìn chung, cơ cấu doanh thu thuần của Công ty trong năm 2017 có sự dịch chuyển nhẹ theo hướng giảm doanh thu bán hàng và tăng doanh thu dịch vụ.

❖ **Lợi nhuận gộp từ sản phẩm, dịch vụ các năm:**

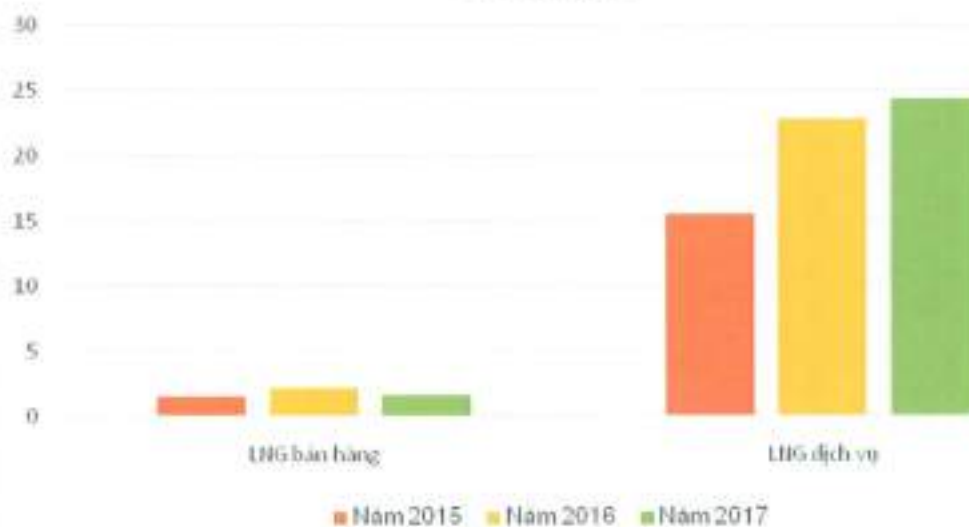
*Cơ cấu lợi nhuận gộp  
2015, 2016, 2017*

*Bảng 4*

STT	Khoản mục	Năm 2017		Giai đoạn 2 năm 2016		Giai đoạn 1 năm 2016		Năm 2015	
		Giá trị (đồng)	LNG/Tổng DTT (%)	Giá trị (đồng)	LNG/Tổng DTT (%)	Giá trị (đồng)	LNG/Tổng DTT (%)	Giá trị (đồng)	LNG/Tổng DTT (%)
<b>I</b>	<b>Số liệu BCTC hợp nhất</b>								
1	LNG bán hàng	-	-	2.027.251.716	1,60	103.660.410	0,17	1.473.530.048	0,85
2	LNG dịch vụ	-	-	18.775.625.158	14,77	4.114.644.804	6,83	15.545.853.262	8,92
3	Các khoản giảm trừ	-	-	0	0	0	0	569.465.081	0,31
	<b>Lợi nhuận gộp</b>	-	-	<b>20.802.876.874</b>	<b>16,37</b>	<b>4.218.305.214</b>	<b>7,00</b>	<b>16.449.918.229</b>	<b>9,44</b>
<b>II</b>	<b>Số liệu BCTC công ty mẹ</b>								

1	LNG bán hàng	1.534.534.001	0,70	2.027.251.716	1,60	103.660.410	0,17	1.470.030.048	0,84
2	LNG dịch vụ	24.369.987.847	11,16	18.775.625.158	14,78	4.114.644.804	6,83	15.545.853.262	8,85
3	Các khoản giảm trừ	-	-	0	0	0	0	569.465.081	0,32
<b>Lợi nhuận gộp</b>		<b>25.904.521.848</b>	<b>11,86</b>	<b>20.802.876.874</b>	<b>16,38</b>	<b>4.218.305.214</b>	<b>7,00</b>	<b>16.446.418.229</b>	<b>9,36</b>

Số liệu BCTC công ty mẹ - Lợi nhuận gộp  
ĐVT: tỷ đồng



LNG: Lợi nhuận gộp  
DTT: Doanh thu thuần

(Nguồn: các BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Theo số liệu báo cáo hợp nhất, cả năm 2015, lợi nhuận gộp của Công ty đạt gần 16,5 tỷ đồng chiếm 9,44% tổng doanh thu thuần cả năm, trong đó, lợi nhuận gộp từ hoạt động cung ứng dịch vụ với tỷ trọng lớn hơn với 94,52% tổng lợi nhuận gộp. Tương tự với số liệu báo cáo công ty mẹ, tổng lợi nhuận gộp năm 2015 của công ty mẹ đạt trên 16,44 tỷ đồng, bằng 9,36% tổng doanh thu thuần.

và lợi nhuận gộp từ hoạt động cung ứng dịch vụ vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn, khoảng 94,52%, bằng 8,85% tổng doanh thu thuần, còn lại là lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ.

Năm 2016, số liệu của cả báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng đều cho thấy lợi nhuận gộp của cả mảng hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ đều có những bước tăng lớn. Nhờ sự tiết giảm đáng kể các chi phí phát sinh trong hoạt động dịch vụ cung cấp hơi nhiệt của công ty mẹ, cho nên mặc dù doanh thu thuần từ lĩnh vực này giảm nhẹ so với năm ngoái, nhưng lợi nhuận gộp của mảng hoạt động dịch vụ tăng 47,25% so với năm 2015, đạt mức 22,89 tỷ đồng, trong khi đó, lợi nhuận gộp từ mảng bán hàng, chủ yếu là hoạt động bán buôn mùn cưa, cũng tăng gần 45% so với năm 2015. Tuy nhiên, tỷ trọng giữa 2 mảng hoạt động có sự dịch chuyển nhẹ với sự tăng dần tỷ trọng của lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng (chiếm khoảng 8,52% tổng lợi nhuận gộp) và giảm nhẹ tỷ trọng của lợi nhuận gộp từ hoạt động cung cấp dịch vụ (chiếm khoảng 91,48% tổng lợi nhuận gộp) so với cơ cấu lợi nhuận gộp của năm 2015. Đáng chú ý trong giai đoạn hoạt động dưới hình thức cổ phần (giai đoạn 2), tổng lợi nhuận gộp tăng gần 400% so với giai đoạn 1, trong đó, lợi nhuận gộp từ hoạt động cung ứng hơi nhiệt, tuy chỉ chiếm trên 90% tổng lợi nhuận gộp của thời kỳ nhưng đã bằng 14,78% tổng doanh thu thuần trong cùng thời kỳ. Tổng lợi nhuận gộp cả năm 2016 đạt trên 25 tỷ đồng, tăng 52,14% so với tổng lợi nhuận gộp năm 2015.

Lợi nhuận gộp năm 2017 tăng nhẹ xấp xỉ 3,53% so với cả năm 2016, đạt trên 25,9 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp từ cung ứng dịch vụ vẫn chiếm đa số, khoảng 94,1%, đạt mức gần 24,37 tỷ đồng, và tăng hơn lợi nhuận gộp từ cung ứng dịch vụ của năm trước gần 6,5%. Trong khi đó, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng 2017 có sự sụt giảm đáng kể, khoảng 28% so với năm 2016.

## **6.2. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào**

### **❖ Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào chủ yếu**

Hoạt động chính của Đông Dương là cung cấp các dịch vụ về lò hơi, hệ thống hơi nhiệt – điện cho các nhà máy sản xuất. Vì vậy các yếu tố đầu vào của Công ty chủ yếu là những sản phẩm liên quan tới đốt hơi nhiệt – điện như: gỗ, phụ phẩm cây trồng và phụ phẩm nông nghiệp như trấu, dăm bào, mùn cưa, bã mía, rơm rạ... Các nguyên liệu này đều được kiểm tra chất lượng kỹ lưỡng trong quá trình sản xuất, vận chuyển và lưu kho dự trữ.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành thiết kế, lắp ráp và đầu tư xây dựng các hệ thống lò hơi nhiệt – điện, cho nên các yếu tố như máy móc trang thiết bị phục vụ hệ thống thiết bị, chuyên gia kỹ thuật và nhân công lao động cũng là các yếu tố đầu vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Để tăng cường chất lượng dịch vụ, hàng năm công ty Đông Dương đều thực hiện đào tạo đội ngũ CBCNV, kiểm tra kiểm soát chất lượng máy móc trang thiết bị đầu vào, đầu tư và tiến hành chuyển giao những công nghệ tiên tiến, hiện đại đang được áp dụng trong lĩnh vực hoạt động.

### **❖ Sự ổn định của các nguồn cung cấp**

Công ty cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương với lợi thế gần khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có nguồn phụ phẩm từ nông nghiệp, lâm nghiệp phong phú, đa dạng và trữ lượng lớn. Theo số liệu thống kê năm 2016, riêng đồng bằng sông Cửu Long sản lượng trấu thu gom được lên tới 1,5 – 2 triệu tấn. Tổng sản lượng phế thải sinh khối hằng năm ở nước ta có

thể đạt tới 8 – 11 triệu tấn, vùng Tây Nguyên cũng đóng góp 35.000 – 40.000 tấn mùn cưa từ việc khai thác và chế biến gỗ. Đặc biệt là chất thải ra từ các nhà máy mía đường. Hiện tại trong cả nước có đến 10 – 15% tổng sản lượng bã mía. Nếu tính trên cả nước, sản lượng lúa Việt Nam 2016 là khoảng 44,5 triệu tấn sẽ cho ra 8,9 triệu tấn trấu và 33 triệu tấn rơm rạ; ngành khai thác gỗ sẽ cho ra khoảng 13,85 triệu tấn mùn cưa, gỗ dăm.<sup>7</sup> Bên cạnh đó, phế phẩm trong chế biến các loại cây công nghiệp, sản xuất hoa quả, thực phẩm... cũng đa dạng nên hoàn toàn có thể ổn định được nguồn cung nguyên vật liệu (theo tổng cục thống kê 2016, các loại phế phẩm khác từ nông nghiệp và lâm nghiệp là khoảng trên 33,4 nghìn tỷ tấn). Ngoài ra, để chủ động trong nguồn nhiên liệu cung cấp trong nước và xuất khẩu, Công ty Đông Dương còn nhập thiết bị máy móc (máy băm gỗ, máy sản xuất viên nén nhiên liệu) và tự khai thác nguồn nhiên liệu từ các rừng đã khai thác để tạo nguồn nhiên liệu dồi dào và ổn định.

Công ty Đông Dương luôn chủ động tìm kiếm các đối tác uy tín cung ứng các sản phẩm liên quan tới xây dựng hệ thống hơi nhiệt Biomass và điện trong và ngoài nước nhằm xây dựng được một hệ thống các nhà cung cấp chiến lược và lâu dài, đảm bảo nguồn cung ứng trang thiết bị máy móc ổn định phục vụ cho quá trình hoạt động của Công ty. Các nhà cung cấp này đã gắn bó với Công ty trong suốt thời gian qua và sẵn sàng nhằm đảm bảo nguồn cung cho Công ty khi cần thiết.

***Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho Công ty***

*Bảng 5*

<b>STT</b>	<b>Tên nhà cung cấp</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Sản phẩm cung cấp</b>
1	Công ty TNHH Xây dựng và Cơ khí An Thái	24 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Mùn cưa
2	Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành	325/25 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	Mùn cưa
3	Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Miền Nam	31 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Mùn cưa
4	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Sơn	357A/23G Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Mùn cưa

*(Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)*

<sup>7</sup>Nguồn thông tin từ website: [www.nangluongvietnam.vn](http://www.nangluongvietnam.vn)

❖ **Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:**

Giá của nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng khiến cho Công ty sẽ phải điều chỉnh tăng giá của sản phẩm đầu ra với các khách hàng mới, có thể sẽ khiến lượng khách hàng mới giảm sút đáng kể. Bên cạnh đó, Công ty sẽ rất khó điều chỉnh tăng đối với những đơn hàng đang thực hiện và với khách hàng quen thuộc do những chính sách ưu đãi của Công ty nhằm xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng. Vì vậy, giá của nguyên liệu tăng không đồng nghĩa với việc doanh thu Công ty tăng mà còn tiềm ẩn những tác động ngược lại. Hơn thế nữa, giá nguyên liệu đầu vào tăng sẽ kéo theo chi phí sản xuất tăng và chắc chắn sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới lợi nhuận của Công ty. Nắm bắt được điều này, ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn chú trọng tới việc đa dạng hóa nguồn cung, xây dựng mạng lưới các nhà cung ứng theo nhiều cấp độ, nhằm đảm bảo cho nguồn cung được đảm bảo ổn định về giá cả, số lượng và chất lượng.

**6.3. Cơ cấu chi phí**

❖ **Tỷ trọng chi phí của Công ty qua các năm:**

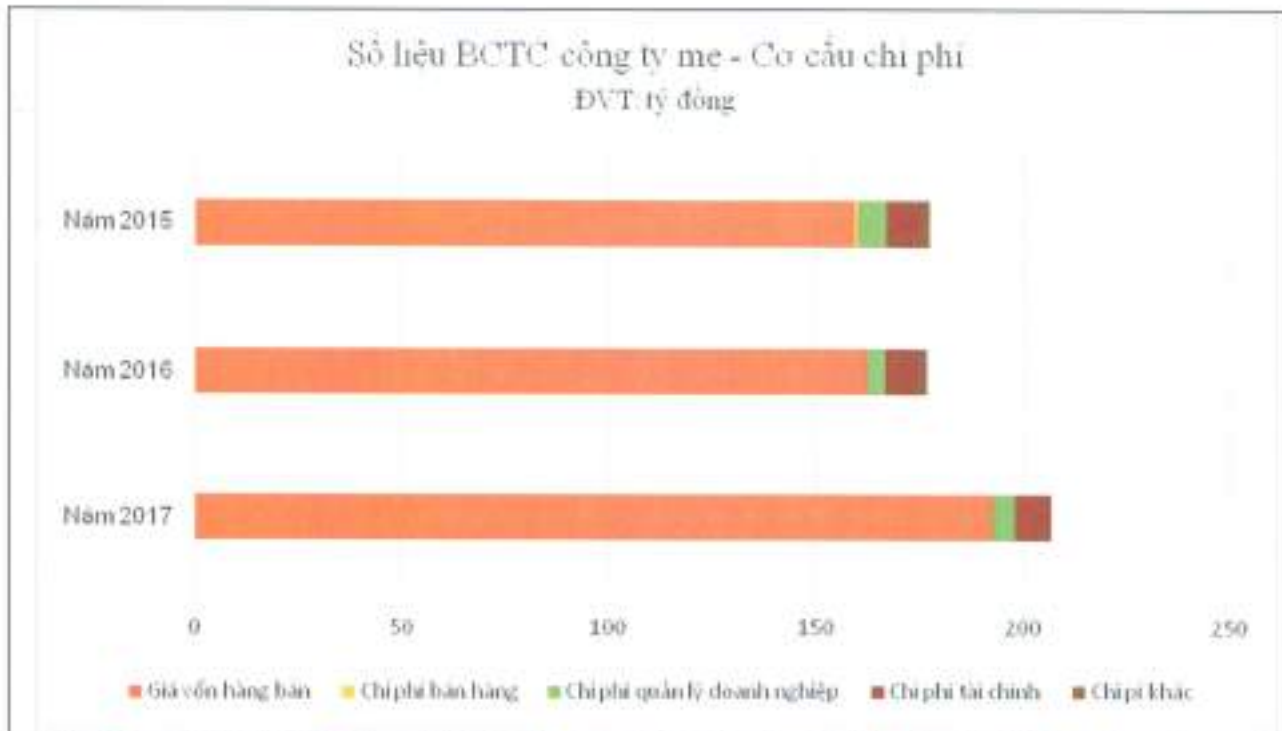
*Tỷ trọng các chi phí của Công ty qua các năm*

*Bảng 6*

STT	Khoản mục	Năm 2017		Giai đoạn 2 năm 2016		Giai đoạn 1 năm 2016		Năm 2015	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/DTT (%)
<b>I</b>	<b>Số liệu BCTC hợp nhất</b>								
1	Giá vốn bán hàng	-	-	106.231.266.482	86,63	56.031.183.065	93,00	163.801.683.322	90,87
2	Chi phí bán hàng	-	-	0	0	18.125.500	0,03	1.036.986.875	0,57
3	Chi phí QLDN	-	-	2.326.920.811	2,41	2.204.498.245	3,66	7.057.699.153	3,92



4	Chi phí tài chính	-	-	4.072.765.205	4,12	3.646.443.931	6,05	8.715.860.191	4,83
5	Chi phí khác	-	-	1.733.617.935	1,23	573.917.348	0,95	8.671.829.684	4,81
	<b>Tổng cộng</b>	-	-	<b>114.364.570.433</b>	<b>90,03</b>	<b>62.474.168.089</b>	<b>103,69</b>	<b>189.284.059.225</b>	<b>105,01</b>
<b>II Số liệu BCTC công ty mẹ</b>									
1	Giá vốn bán hàng	192.580.762.971	88,14	106.231.266.482	83,63	56.031.183.065	93,00	159.234.183.322	90,64
2	Chi phí bán hàng	0	0	0	0	18.125.500	0,03	1.036.485.875	0,59
3	Chi phí QLDN	5.325.708.743	2,44	2.326.920.811	1,83	2.202.498.245	3,65	6.935.497.673	3,95
4	Chi phí tài chính	8.669.549.626	3,97	4.072.765.205	3,21	3.646.443.931	6,05	8.715.860.191	4,96
5	Chi phí khác	141.032.349	0,06	1.733.617.935	1,36	573.917.348	0,96	7.168.730.164	4,08
	<b>Tổng cộng</b>	<b>206.717.053.689</b>	<b>94,61</b>	<b>114.364.570.433</b>	<b>90,03</b>	<b>62.472.167.989</b>	<b>103,69</b>	<b>183.090.757.225</b>	<b>104,22</b>



(Nguồn: các BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, giảm giá thành trên một đơn vị sản phẩm, trên cơ sở tăng trưởng doanh thu đều. Nhìn chung, tỷ lệ tổng chi phí hoạt động kinh doanh trên tổng doanh thu thuần có xu hướng giảm dần qua các giai đoạn.

Theo cả BCTC hợp nhất và BCTC riêng tổng chi phí năm 2015 đã vượt quá doanh thu thuần cả năm. Tổng chi phí theo BCTC hợp nhất 2015 là trên 189,28 tỷ đồng, bằng 105,01% tổng doanh thu thuần, trong đó giá vốn hàng bán chiếm gần 86,54%, bằng 90,87% tổng doanh thu thuần, đạt 159,23 tỷ đồng. Các vị trí tiếp theo là chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí quản lý doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng trong tổng chi phí lần lượt là 4,76%, 3,91% và 3,79%. Cuối cùng là chi phí bán hàng chỉ chiếm gần 0,57%. Cơ cấu này tương tự với số liệu của BCTC riêng của Công ty, với tổng chi phí là trên 183 tỷ đồng, bằng 104,22% tổng doanh thu thuần.

Trong khi đó, tổng chi phí năm 2016 chỉ chiếm 94,42% tổng doanh thu thuần của cả năm với giá vốn hàng bán chiếm 91,76% tổng chi phí và bằng 86,63% tổng doanh thu thuần. Số liệu từ BCTC hợp nhất và BCTC công ty mẹ đều chỉ ra rằng, cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2016 có sự thay đổi tích cực hơn khi mà các chi phí tài chính, chi phí khác và chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng giảm. Đặc biệt, chi phí khác trong năm 2016 trên BCTC hợp nhất giảm trên 73,4% so với năm 2015, từ 8,67 tỷ đồng xuống còn 2,3 tỷ đồng; con số này trên BCTC là xấp xỉ 67,83% từ gần 7,17 tỷ đồng xuống còn 2,3 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp 2016, theo BCTC hợp nhất, cũng giảm trên 35,8% so với năm 2015 từ mức trên 7 tỷ đồng xuống mức 4,5 tỷ đồng, chiếm khoảng 2,54% tổng chi phí. Tuy nhiên, so sánh giữa 2 giai đoạn, có thể thấy được, cơ cấu chi phí trong giai đoạn công ty cổ phần tốt hơn giai đoạn công ty trách nhiệm hữu hạn. Đáng kể đến là chi phí quản lý doanh nghiệp, theo BCTC công ty mẹ, trong giai đoạn 2, chỉ chiếm 2% tổng chi phí và bằng 1,83% tổng doanh thu thuần, trong khi ở giai đoạn 1, chi phí quản lý

doanh nghiệp chiếm 3,2% tổng chi phí, bằng 3,65% tổng doanh thu. Điều này là do chính sách tinh gọn hóa bộ máy quản lý của doanh nghiệp đã phát huy được tác dụng. Do đặc điểm hoạt động của Công ty nên chi phí tài chính luôn giữ một tỷ trọng nhất định, khoảng 4,5% trong tổng chi phí hoạt động. Ngoài ra, chi phí khác hầu hết phát sinh trong quá trình thanh lý tài sản của Công ty trong năm 2015 và 2016. Từ nửa cuối năm 2016, theo thỏa thuận mua bán trong giai đoạn này, các khách hàng đã chủ động lấy hàng (chủ yếu là mùn cưa) tại kho của Công ty nên Công ty không phải sử dụng dịch vụ ngoài, và không làm phát sinh chi phí bán hàng.

Trong 2017, do sự biến động giá cả trên thị trường một số yếu tố đầu vào, cùng với đó là sự mở rộng hoạt động kinh doanh, đầu tư máy móc trong năm 2016 và 2017 phản ánh vào giá vốn hàng bán, cho nên, giá vốn tăng đáng kể, tăng khoảng 17% so với năm 2016. Tuy nhiên cơ cấu chi phí đang dần ổn định qua các năm với tỷ trọng cao của các chi phí liên quan trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm: giá vốn, chi phí quản lý và chi phí tài chính. Giá vốn hàng bán của 2017 chiếm xấp xỉ 93,16% tổng chi phí, trong khi đó, chi phí quản lý và chi phí tài chính chiếm lần lượt là khoảng 2,57% và 4,2% tổng chi phí trong cùng thời kỳ. Chi phí khác chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong tổng chi phí và tổng doanh thu (khoảng 0,06%).

Nhìn chung, cơ cấu chi phí của Doanh nghiệp ổn định dần qua các năm và phản ánh đúng với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực mà Công ty đang hoạt động. Hơn thế nữa, tỷ lệ chi phí trên doanh thu thuần đang được duy trì tốt và có sự cải thiện qua các thời kỳ, cho thấy việc sử dụng các nguồn lực của Công ty ngày càng hợp lý hơn, sẽ là một yếu tố cạnh tranh của Công ty trong ngành.

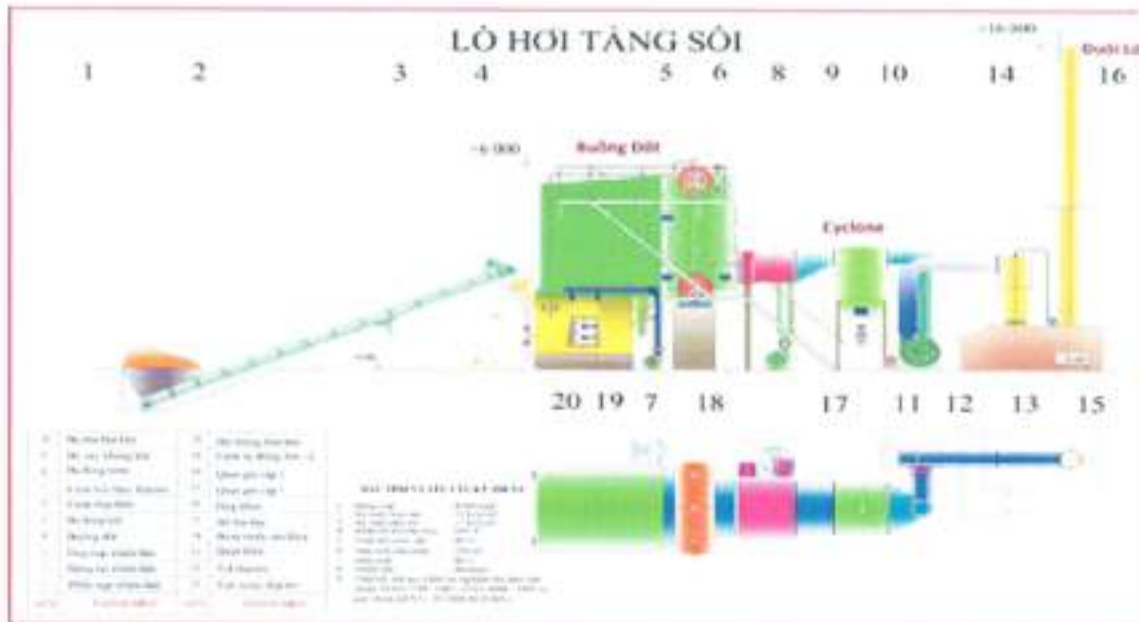
#### ❖ Chính sách quản lý chi phí:

Công ty đang tiếp tục tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất, thi công để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, ban lãnh đạo Công ty cũng quán triệt tinh thần tiết kiệm trong lao động sản xuất tới từng CBCNV nhằm mục đích giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng trong lao động sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### 6.4. Trình độ công nghệ

Lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt - điện là một lĩnh vực đòi hỏi trình độ công nghệ kỹ thuật cao. Công nghệ lò hơi Công ty đang thiết kế và sản xuất dựa trên "Hệ thống thiết bị công nghệ lò hơi bão hòa loại tầng sôi hai cấp kiểu đứng để đốt nhiên liệu sinh khối hiệu suất cao" do Tiến sĩ Nguyễn Thanh Quang – Thành viên Hội đồng quản trị công ty đã được đăng ký độc quyền tại Cục sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và Công nghệ từ ngày 17/11/2010.

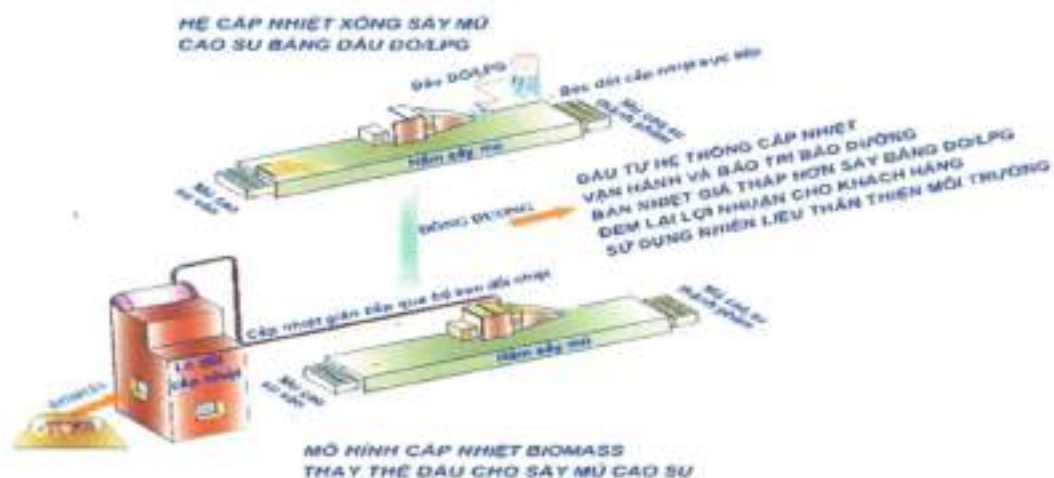
#### ❖ Công nghệ lò hơi tầng sôi đốt Biomass



Lò hơi tăng sôi tuần hoàn có cấu tạo bản thể gồm 03 phần chính: Buồng đốt tăng sôi, lò hơi (bao gồm bộ tiết kiệm nhiệt) và bộ xử lý khói thải:

- Buồng đốt tăng sôi: Buồng đốt tăng sôi của lò hơi tăng sôi tuần hoàn có hình dáng tương tự như lò than phun, tuy vậy do khác nhau về phương pháp đốt nên có một số điểm khác biệt lớn về chi tiết.
- Phần hơi (gồm bộ tiết kiệm nhiệt): là một bộ phận dùng để thu các hạt bột gỗ chưa cháy hết trở lại buồng đốt tạo thành một vòng tuần hoàn.
- Phần xử lý khói thải: Gồm cyclone lắng kết hợp phun nước dập bụi, bể lắng bụi, bể xử lý, ống khói và cụm tuần hoàn nước sau xử lý.

❖ **Mô hình cấp nhiệt Biomass thay thế dầu DO, FO**



Cung cấp nhiệt bằng cách thay thế các nhiên liệu đắt tiền như dầu FO, dầu DO bằng nhiên liệu Biomass thông qua chất tải nhiệt trung gian cung cấp cho các hệ thống cần nhiệt để sấy sản phẩm.

**6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Lĩnh vực thiết kế xây dựng và lắp đặt hệ thống hơi nhiệt – điện là một lĩnh vực thuộc ngành năng lượng sạch và công nghệ cao, đang được ưu tiên đầu tư phát triển không chỉ trong nước mà còn trên thế giới. Công nghệ xây dựng thiết kế hệ thống hơi nhiệt – điện trên thị trường Việt Nam rất đa dạng với tốc độ thay đổi, cải tiến ngày càng nhanh. Chính vì vậy, sự cạnh tranh trong việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới trong lĩnh vực này là rất gay gắt, công ty nào đưa ra được những công nghệ, sản phẩm cải tiến hơn, công ty đó sẽ nhanh chóng chiếm được thị trường. Với lợi thế đội ngũ nòng cốt là các nhân viên thâm niên, cán bộ nghiên cứu đầu ngành về công nghệ năng lượng mới công ty luôn chú trọng việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đặc biệt là nghiên cứu hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện nhằm tối đa hóa năng lực sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu. Các phòng ban, bộ phận liên quan đến kinh doanh và kỹ thuật luôn có sự phối hợp chặt chẽ, nhằm nắm bắt nhu cầu của thị trường, theo dõi công nghệ của đối thủ cạnh tranh, đưa ra các chính sách phát triển sản phẩm mới cho hợp lý và hiệu quả.

#### **6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Với uy tín và thương hiệu đã được khẳng định trên thị trường, việc kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ được Công ty đặt lên hàng đầu. Việc kiểm tra giám sát chất lượng được xây dựng trên mô hình quản lý khép kín từ khâu nhập nguyên vật liệu, trang thiết bị máy móc đầu vào cho tới khâu xây dựng lắp đặt cho khách hàng, cũng như là kiểm tra bảo hành bảo dưỡng máy móc đang hoạt động tại các cơ sở của đối tác. Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh việc sử dụng các hệ thống máy móc kiểm tra chất lượng nhằm đạt được hiệu quả cao. Để đủ tiêu chuẩn cung cấp ra thị trường, các sản phẩm dịch vụ của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sát sao bằng người và máy móc.

Công ty đang áp dụng những tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2008 của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO). Việc áp dụng ISO 9001 vào doanh nghiệp đã tạo được cách làm việc khoa học, tạo ra sự nhất quán trong công việc, chuẩn hóa các quy trình hoạt động, loại bỏ được nhiều thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian và giảm chi phí phát sinh do xảy ra những sai lỗi hoặc sai sót trong công việc, đồng thời làm cho năng lực trách nhiệm cũng như ý thức của cán bộ công nhân viên nâng lên rõ rệt.



# Certificate

This is to certify that

## **INDOCHINE IMPORT EXPORT INDUSTRY INVESTMENT COMPANY LIMITED**

ISA Dong Da Street, Ward 2, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Has been assessed by ABS Certification Body and found to comply the requirements of

**ISO 9001 : 2008**

Quality management system

for the following activities:

**INVESTMENT, SUPPLY AND MANAGEMENT OF THERMAL SYSTEM**

Certificate no: 100014027

Effective date: 02 November 2014

Issue date: 02 November 2014

Expiration date: 02 November 2017

Nguyen Ngoc Cam  
Managing Director



100014027  
www.abs-cert.com

100014027  
www.abs-cert.com



Với tư duy kinh doanh hướng tới khách hàng, nên chất lượng luôn là yếu tố được ban lãnh đạo Công ty đặt lên hàng đầu. Bộ phận quản lý chất lượng của Công ty là một tập hợp các chuyên gia đầu ngành, có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng hơi nhiệt. Quy trình quản lý chất lượng của Công ty như sơ đồ sau:



### 6.7. Hoạt động Marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng quan tâm tới công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Mỗi thành viên trong công ty cố gắng vụ quảng bá thương hiệu và sản phẩm của mình ra ngoài thị trường. Trong năm qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng và đã đạt được những hiệu quả cao. Sản phẩm của Công ty đã được nhiều khách hàng và đối tác biết và tìm đến. Đặc biệt là trên thị trường Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, và các tỉnh lân cận, hình thành một thương hiệu có uy tín. Hoạt động Marketing của Công ty bao gồm:

#### a. Hoạt động xây dựng và quảng bá thương hiệu:

Giá trị của một doanh nghiệp không chỉ được thể hiện bằng doanh thu, lợi nhuận, tài sản của doanh nghiệp mà còn được thể hiện qua thương hiệu doanh nghiệp. Sau hơn 6 năm hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, lắp đặt và đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện, thương hiệu Đồng Dương đã được khẳng định và được nhiều khách hàng và đối tác ghi nhận.

#### b. Hoạt động quảng cáo, tiếp thị:

Công ty đã và đang tích cực quảng bá thương hiệu, uy tín của mình thông qua các kênh thông tin hiện đại để thông tin được truyền tải tới khách hàng đa dạng và chi tiết hơn. Đặc biệt là thông qua website của Công ty và một số website chuyên ngành công nghệ liên quan tới hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện. Bên cạnh đó, kênh quảng cáo truyền miệng được đánh giá là kênh hiệu quả



nhất trong lĩnh vực này. Uy tín và thương hiệu của Công ty luôn là một lời khẳng định chất lượng đối với các đối tác và bạn hàng.

**c. Chính sách giá cả:**

Bên cạnh chất lượng, chính sách giá cả là yếu tố quyết định đến tính cạnh tranh trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Để thực hiện bình ổn giá và cung cấp sản phẩm dịch vụ chất lượng với mức giá hợp lý nhất, Công ty luôn chủ động đa dạng hóa nguồn cung để có được mức giá tốt nhất kể từ khâu đầu vào, luôn đề cao tinh thần tiết kiệm và duy trì trách nhiệm cao trong hoạt động kinh doanh, nhằm mang tới khách hàng mức giá tối ưu nhất. Cùng với đó sự linh hoạt trong các quyết định kinh doanh của ban lãnh đạo dưới sự đề xuất của phòng kinh doanh và phòng kỹ thuật, giúp cho chính sách giá của Doanh nghiệp luôn được bổ sung thay đổi cho phù hợp với tình hình thị trường.

**d. Các kênh phân phối:**

Hiện tại, Công ty đang có 4 chi nhánh hoạt động như những nhà phân phối độc lập giúp sản phẩm của Đông Dương có thể đến được tay khách hàng tại những thị trường địa phương và hoạt động khá hiệu quả đem lại những hợp đồng lâu dài, tạo doanh thu ổn định và tăng trưởng cho Công ty. Ngoài ra, Công ty vẫn đang triển khai xây dựng các kênh phân phối ngoài những địa bàn truyền thống như Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Tiền Giang, nhằm mở rộng thêm thị trường.

**6.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Logo và nhân hiệu của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhân hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Hiện nay, Logo và nhân hiệu của công ty đang thực hiện đăng ký bản quyền.

Công ty đã được nhận bằng độc quyền giải pháp hữu ích cho sáng chế “Dây chuyền thiết bị công nghệ lò hơi bão hòa loại tầng sôi hai cấp kiểu đứng để đốt nhiên liệu sinh khối hiệu suất cao” của Tiến sĩ Nguyễn Thanh Quang – Thành viên Hội đồng quản trị được đưa vào sử dụng cho hoạt động sản xuất của công ty.



**6.9. Một số hợp đồng lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết**

*Danh sách một số hợp đồng tiêu biểu đã và đang thực hiện*

*Bảng 7*

STT	Đối tác	Ngày ký	Thời hạn (năm)	Sản phẩm cung cấp	Giá trị Hợp đồng (VND)/năm
01	Công ty CP Tôn Đông Á	08/2012	7	Cung cấp hơi	7.500.000.000
02	Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu (Việt Nam)	12/2012	10	Cung cấp hơi	7.500.000.000
03	CTCP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	07/2013	8	Cung cấp hơi	1.000.000.000
04	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại & Dịch vụ Mai Vĩnh	04/2014	10	Cung cấp nhiệt	4.000.000.000
05	Công ty TNHH Sinh Thành	04/2014	10	Cung cấp nhiệt	5.200.000.000

06	Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam	05/2014	5	Cung cấp hơi	12.000.000.000
07	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhật Nam	05/2014	10	Cung cấp nhiệt	2.200.000.000
08	Công ty TNHH TM DV và SX Đồng Nguyên	06/2014	10	Cung cấp nhiệt	7.500.000.000
09	Công ty CP Cao su Phước Hòa	09/2014	10	Cung cấp nhiệt	4.600.000.000
10	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Linh Hương	09/2014	Tối thiểu 2 năm	Cung cấp nhiệt	8.500.000.000
11	CN Tổng Công ty NN Sài Gòn TNHH MTV – Công ty Chăn nuôi & CBTP Sài Gòn	06/2015	7	Cung cấp hơi	800.000.000
12	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Công nghiệp Lương Hiệp	01/2017	1 (ra hạn từng năm)	Cung cấp mùn cưa	35.500.000.000
13	CTCP Đầu tư Kiến Vàng	01/2017	1 (ra hạn từng năm)	Cung cấp mùn cưa	10.500.000.000
14	Cty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vạn Niên	01/2017	1 (ra hạn từng năm)	Cung cấp mùn cưa	15.000.000.000
15	Công ty TNHH Thương mại Xây dựng & Cơ khí Đại Nam	03/2017	1 (ra hạn từng năm)	Cung cấp mùn cưa	5.000.000.000
16	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thăng Lợi	05/2017	1 (ra hạn từng năm)	Cung cấp mùn cưa	28.000.000.000
	<b>Tổng giá trị</b>				<b>154.800.000.000</b>

*(Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)*

**7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**7.1. Tóm tắt các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016, 2017**

*Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty*

*Bảng 8*

STT	Khoản mục	Năm 2017	Giai đoạn 2 năm 2016	Giai đoạn 1 năm 2016	% 2017 tăng, giảm so với 2016
<b>I</b>	<b>Số liệu BCTC hợp nhất</b>				
1	Tổng giá trị tài sản (đồng)	-	239.093.672.376	218.606.097.452	11,88
2	Vốn chủ sở hữu (đồng)	-	125.170.567.588	74.861.546.683	181,07
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (đồng)	-	127.034.143.356	60.249.488.279	3,57
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (đồng)	-	14.555.903.887	(1.524.963.438)	-
5	Lợi nhuận khác (đồng)	-	(1.733.617.935)	(573.917.348)	-
6	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	-	12.822.285.952	(2.098.880.786)	-
7	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	-	10.309.020.905	(2.122.825.048)	-
8	Trả cổ tức (%)	-	-	-	-
9	LNST/VCSH (%)	-	8,24	-	-
			6,54		
<b>II</b>	<b>Số liệu BCTC công ty mẹ</b>				

1	Tổng giá trị tài sản (đồng)	290.737.514.732	217.485.593.241	212.700.875.216	22,25
2	Vốn chủ sở hữu (đồng)	133.382.723.871	73.764.986.734	48.853.588.831	7,61
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (đồng)	218.485.284.819	60.249.488.279	176.250.066.632	16,66
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (đồng)	11.912.162.101	(1.644.684.749)	(230.263.101)	(6,67)
5	Lợi nhuận khác (đồng)	(97.245.190)	(573.917.348)	63.875.836	95,78
6	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	11.814.916.911	(2.218.602.097)	(166.387.265)	13,00
7	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	9.427.339.183	(2.218.602.097)	(264.423.195)	18,25
8	Trà cổ tức (%)	-	-	-	-
9	LNST/VCSH (%)	7,07	8,22	-	0,64
			6,43		

(Nguồn: các BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Tổng tài sản của Công ty năm 2017 tăng hơn 22,25% so với năm liền trước, cùng với đó, vốn chủ sở hữu cũng tăng nhẹ lên gần 7,61% trong cùng khoảng thời gian. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp cũng có nhiều khởi sắc khi mà doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ tăng 16,66%. Tuy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh có sự sụt giảm nhẹ từ 12,76 tỷ đồng năm 2016 xuống còn 11,81 tỷ đồng trong năm ngoái, nhưng lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều ghi nhận tăng, cụ thể là: lợi nhuận trước thuế tăng 13% từ 10,45 tỷ đồng lên 11,71 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế tăng 18,25 tỷ đồng từ 7,97 tỷ đồng lên 9,42 tỷ đồng. ROE 2017 đạt 7,07%.

## 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

### ❖ Những nhân tố thuận lợi

- **Tình hình kinh tế - chính trị - xã hội:** tình hình kinh tế bước vào giai đoạn hồi phục sau khủng hoảng và có những tín hiệu tích cực trong tăng trưởng, dấu hiệu của một chu kỳ phát triển mới. Điều này tạo ra những cơ hội mới cho các thành phần kinh tế phát triển, nguồn vốn đầu tư đổ vào nền kinh tế cũng trở nên dồi dào hơn, tạo điều kiện thu hút vốn, đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, tình hình chính trị - xã hội ổn định tạo điều kiện thuận lợi đáng kể cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có yếu tố liên quan tới nước ngoài.
  - **Chính sách của Nhà nước:** Chủ trương mở cửa hội nhập nền kinh tế của Đảng và Nhà nước tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư phát triển vào khu vực công nghiệp Việt Nam đặc biệt là các ngành công nghiệp chế tạo, công nghiệp năng lượng sạch và giải pháp xử lý môi trường tạo ra một thị trường tiềm năng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, lắp ráp, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt - điện như của Công ty. Cùng với đó, ngành năng lượng sạch và năng lượng sinh khối đang ngày càng được quan tâm đẩy mạnh phát triển hơn từ các chính sách khuyến khích của Chính phủ. Điều này tạo thuận lợi cho Công ty trong việc tìm kiếm khách hàng và ký kết các hợp đồng chiến lược dài hạn.
  - **Nguồn lực con người:** Ban lãnh đạo Công ty năng động, nhạy bén đã xây dựng kế hoạch phát triển cho Công ty phù hợp với năng lực và xu hướng phát triển vĩ mô. Đội ngũ chuyên gia kỹ thuật công nghệ nhiều kinh nghiệm và nguồn nhân công thâm niên, lành nghề, chủ yếu được tuyển dụng ngay tại địa phương là một lợi thế lớn của Công ty.
  - **Nguồn lực sản xuất:** Nguồn trang thiết bị kỹ thuật, máy móc sản xuất của công ty luôn được quan tâm đúng mức, đảm bảo số lượng, chất lượng và cung cấp kịp thời cho khách hàng. Nguồn nguyên vật liệu đầu vào ổn định luôn đáp ứng đủ để phục vụ sản xuất.
  - **Thị trường tiêu thụ:** Hệ thống hơi nhiệt – điện đang được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các ngành công nghiệp và mỗi ngành công nghiệp đều có những nhu cầu sử dụng với các mức độ và công suất khác nhau. Với việc các khu công nghiệp, các nhà máy ngày càng được mở rộng như hiện nay thì nhu cầu nổi hơi ngày càng tăng cao. Hơn nữa, Công ty đã xây dựng được những kênh tiêu thụ trong khu vực và trong miền rất ổn định với các đối tác lâu năm.
- ❖ **Những nhân tố khó khăn**
- **Nguồn vốn đầu tư:** Việc đầu tư các hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu tương đối lớn nên phần nào gây khó khăn cho công ty trong việc huy động vốn. Trong khi đó, các điều kiện vay vốn lại đang bị các ngân hàng thắt chặt vì lo ngại nợ xấu khiến nhiều doanh nghiệp trong đó có Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn để củng cố và phát triển hoạt động sản xuất.
  - **Yếu tố thiên nhiên:** Thiên tai trong những năm qua diễn ra nhiều và phức tạp hơn, khiến việc nhập khẩu các máy móc trang thiết bị kỹ thuật, cũng như là quá trình vận chuyển cung ứng các sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, và dự trữ nguyên liệu khô như viên nén mùn cưa, củi trấu, củi mùn cưa, viên nén gỗ,... tại Công ty cũng như là cơ sở của đối tác gặp ít nhiều khó khăn.

## 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

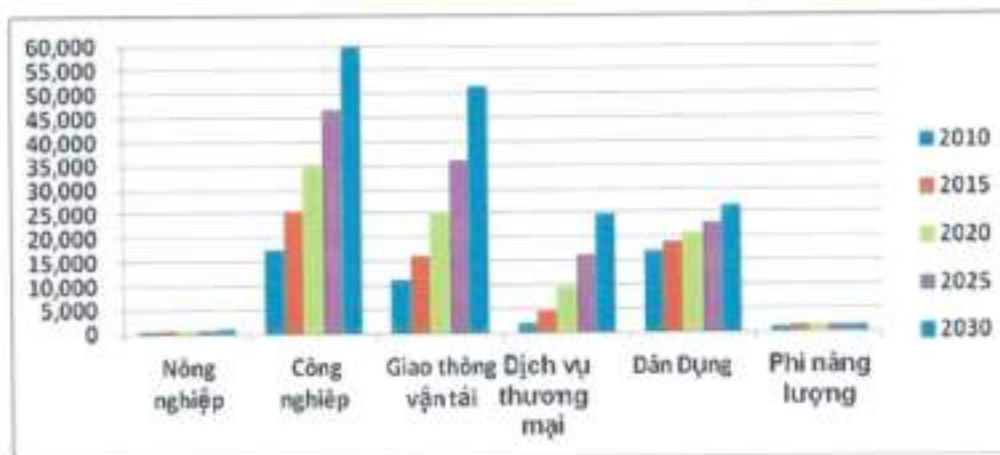
### ❖ Vị thế của Công ty trong ngành

Lợi thế cạnh tranh của Công ty là sự tinh gọn trong cơ cấu tổ chức và vận hành. Lực lượng lao động của Công ty dồi dào có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm. Bên cạnh đó, các thiết bị máy móc và công nghệ điều khiển nhà máy hiện đại đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và được cung cấp từ các nước có trình độ kỹ thuật tiên tiến. Nhờ đó, những sự cố về máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất hầu như không xảy ra và đảm bảo chất lượng tốt cung cấp cho khách hàng.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

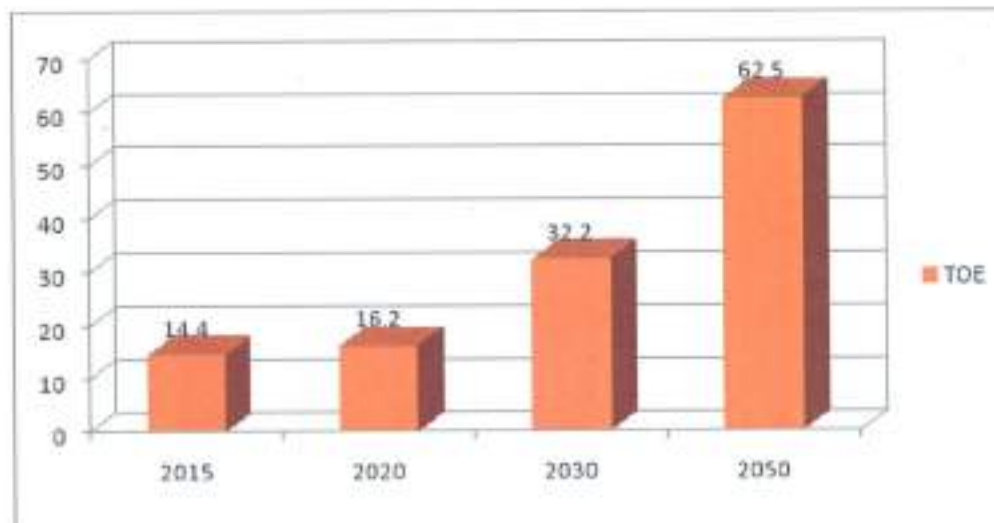
Trong bối cảnh nguồn tài nguyên dầu mỏ, khí thiên nhiên, than đá ngày một cạn kiệt, các nguồn năng lượng mới như: quang năng, phong năng, thủy năng, năng lượng sinh học đang là giải pháp xanh mà con người hướng đến. Hiện nay trên quy mô toàn cầu, sinh khối là nguồn năng lượng lớn thứ tư, chiếm tới 14-15% tổng năng lượng tiêu thụ của thế giới. Ở các nước đang phát triển, sinh khối thường là nguồn năng lượng lớn nhất, trung bình đóng góp khoảng 35% trong tổng cung cấp năng lượng. Vì vậy Năng lượng sinh khối giữ một vai trò quan trọng trong các kịch bản năng lượng soạn thảo của nhiều tổ chức quốc tế và có khả năng sẽ giữ vai trò sống còn trong việc đáp ứng nhu cầu năng lượng của thế giới trong tương lai.

**Tình hình sử dụng năng lượng ở Việt Nam giai đoạn 2010 - 2030**



Theo số liệu dự báo của Viện chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường Việt Nam nhu cầu sử dụng năng lượng của ngành công nghiệp là rất lớn do vậy phát triển ngành năng lượng cũng được quan tâm và chú trọng hơn. Cũng theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng sử dụng nguồn năng lượng sinh khối tại Việt Nam.

**Tổng năng lượng sinh khối sử dụng**



Với lợi thế là quốc gia nông nghiệp, Việt Nam có nguồn sinh khối lớn và đa dạng, bao gồm: gỗ, củi, trấu, rơm rạ, vỏ hạt điều, bã mía, các loại phụ phẩm nông nghiệp khác. Ước tính hàng năm Việt Nam có trên 60 triệu tấn sinh khối từ phế phẩm nông nghiệp, đây là nguồn nguyên liệu đầu vào đa dạng với trữ lượng lớn cho các doanh nghiệp trong ngành.

❖ **So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành**

Lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện là một lĩnh vực nhiều tiềm năng nhưng cũng đầy thách thức với những đặc điểm riêng như việc cung ứng dịch vụ thường được diễn ra tại các cơ sở của khách hàng, công nghệ của hệ thống hơi nhiệt luôn phát triển đổi mới hàng ngày, các thiết bị máy móc trong hệ thống hơi nhiệt thường có giá trị cao, kèm thêm việc phải vận chuyển bảo quản làm phát sinh các chi phí không lường trước được, công nợ thường chiếm một tỷ trọng lớn, nên rất ít doanh nghiệp có thể trụ vững và phát triển lớn mạnh trong ngành này, đặc biệt là trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế vừa qua. Tuy nhiên, sự phát triển của các ngành công nghiệp thực phẩm, chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy hải sản, giấy, dệt may, nước giải khát, bia,..., những ngành sử dụng nhiều đến công nghệ hơi nhiệt trong xu thế phục hồi của nền kinh tế những năm gần đây, giúp cho những doanh nghiệp còn bám trụ trong ngành có động lực và tiềm lực thúc đẩy sự phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Điều quan trọng trong giai đoạn này đối với các doanh nghiệp trong ngành là có thể cân bằng giữa sự phát triển với tình hình tài chính của mình. Nhận thức rõ vấn đề này, ban lãnh đạo Đông Dương đã chủ động trong việc phát minh và phát triển công nghệ hơi nhiệt mới đem lại nhiều hơi nhiệt hơn với chất lượng cao, tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào với chi phí thấp hơn. Hơn thế nữa, Công ty cũng chú trọng tới việc phát triển sản xuất, sử dụng và phân phối nguyên vật liệu đầu vào có chất lượng, đảm bảo đủ lượng nhiệt, nhưng giá thành rẻ hơn, và bảo vệ môi trường như các sản phẩm củi trấu, củi mùn cưa, viên nén bã mía,...

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Thế giới đang đứng trước nhu cầu gia tăng mạnh mẽ hoạt động khai thác năng lượng phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội, đồng thời với việc triển khai các hành động ứng phó với sự gia tăng



tác động của biến đổi khí hậu do sự sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Giải pháp cơ bản cho các vấn đề đặt ra trên là khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo. Đặc biệt đối với Việt Nam là quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất từ các tác động của hiệu ứng nhà kính, đồng thời là quốc gia sản xuất nông nghiệp tuy nhiên nguồn phế phẩm nông nghiệp lại chưa được sử dụng một cách hiệu quả.

Công ty cũng có những định hướng phát triển phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới về việc phát triển nguồn nhiên liệu sạch, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính và tiết kiệm năng lượng, cụ thể như :

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, cho ra đời những sản phẩm đúng tiêu chuẩn đảm bảo môi trường xanh sạch của cộng đồng.
- Cung cấp sản phẩm công nghệ, tự động hóa hoàn toàn, vận hành đơn giản gọn đẹp, tiết kiệm năng lượng, có tính cạnh tranh cao nhằm đáp ứng mọi yêu cầu, giảm thiểu tối đa chi phí cho khách hàng.
- Tạo giá trị gia tăng cho Công ty và đem lại lợi ích kinh tế và tinh thần cho mỗi thành viên, nhân viên của công ty, cho khách hàng và đem lại các lợi ích cho xã hội.
- Chú trọng công tác đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tận thu nguồn phụ phẩm nông nghiệp đa dạng của một đất nước nông nghiệp như Việt Nam. Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện mới/hội nhập.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị để duy trì, phát triển thị trường và xuất khẩu hàng hóa.
- Tăng cường công tác quản lý nội bộ, công tác tính giá thành và định mức nhằm kiểm soát chi phí, tiết kiệm tối đa các chi phí đầu vào để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh về giá trên thị trường. Đồng thời, chú trọng việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### ❖ Thực trạng lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một tổ chức. Do vậy, Công ty luôn đặt định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có mong muốn cống hiến lâu dài.

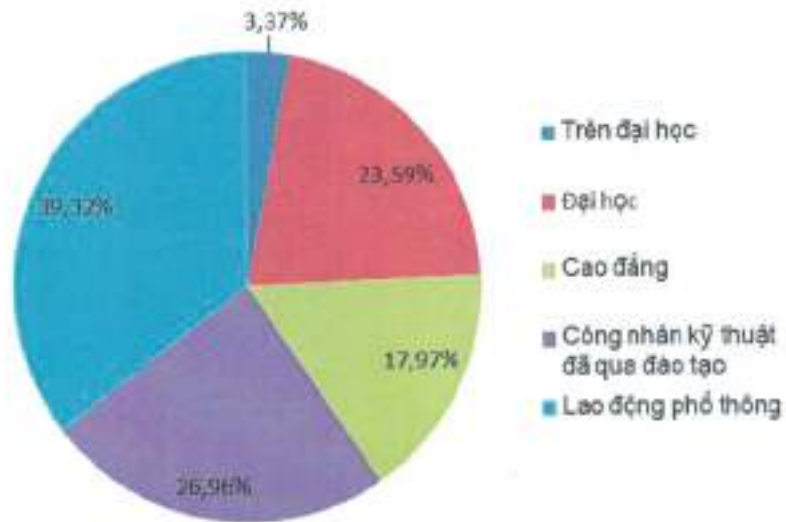
#### *Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2016*

*Bảng 9*

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>	<b>89</b>	<b>100</b>
- Trên đại học	3	3,37
- Đại học	21	23,59

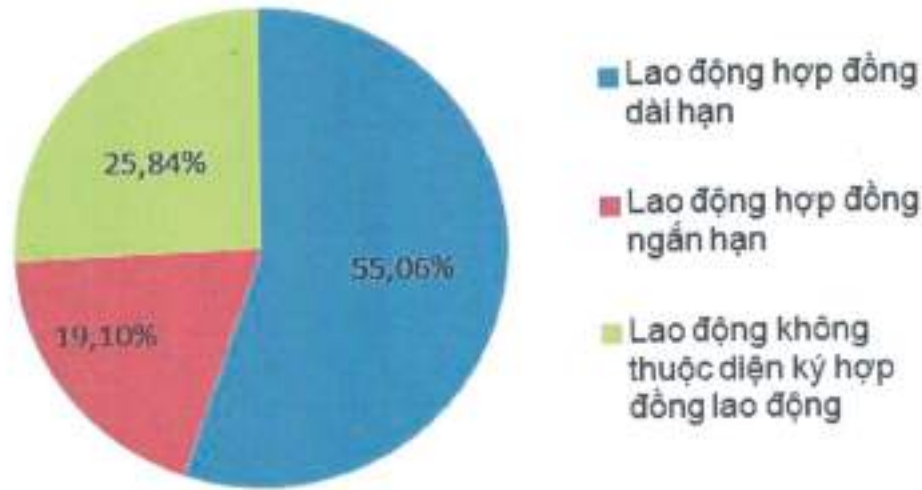
- Cao đẳng	16	17,97
- Công nhân kỹ thuật đã qua đào tạo	24	26,96
- Lao động phổ thông	35	39,32

**Phân theo trình độ chuyên môn**



<b>Phân theo hình thức làm việc</b>	<b>89</b>	<b>100</b>
- Lao động hợp đồng dài hạn	49	55,06
- Lao động hợp đồng ngắn hạn	17	19,10
- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	23	25,84

**Phân theo hình thức làm việc**



Phân loại theo tính chất công việc	89	100
Lao động trực tiếp	76	85,39
Lao động gián tiếp	13	14,61

(Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

❖ **Chế độ làm việc**

- **Thời gian làm việc:** đối với lao động trực tiếp: 3 ca làm việc/ngày, 24 ngày làm việc/tháng; đối với lao động gián tiếp: 2 ca làm việc/ngày, 22 ngày làm việc/tháng. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- **Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:** Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.
- **Nghỉ ốm, thai sản:** Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương và 02 tháng lương tối thiểu chung do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.
- **Điều kiện làm việc:** Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

### ❖ Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên kỹ thuật, đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân sản xuất, vận hành, trực tiếp lắp đặt máy móc thiết bị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- **Đối với lao động trực tiếp:** đào tạo tại chỗ trong quá trình làm việc để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- **Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật:** Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, tổ chức các buổi trao đổi, học tập về kiến thức kỹ thuật và cập nhật những kỹ thuật công nghệ cao tiên tiến trên thế giới, tạo điều kiện để đội ngũ chuyên gia kỹ thuật trong việc thử nghiệm những công nghệ mới và triển khai áp dụng vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

### ❖ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- **Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức lương bình quân đối với cán bộ công nhân viên Công ty ở mức 7.820.000đồng/tháng.
- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung. Ngoài được thưởng các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu và trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực cung cấp hơi nhiệt – điện nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Công ty không thể lường trước, gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm

trọng đến người và tài sản nên Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết ... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động.

## 10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn. Năm 2016, theo đề xuất của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Công ty quyết định chưa chia cổ tức để tập trung nguồn lực vào phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

#### ❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
- Máy móc và thiết bị	03 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

#### ❖ Mức lương bình quân của người lao động

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty là 7,82 triệu/tháng. Đây là mức thu nhập khá cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành và so với các doanh nghiệp khác trong cùng địa phương. Trong thời gian tới khi Công ty cố gắng nâng mức lương bình quân của người lao động lên cao hơn để người lao động gắn bó với Công ty.

#### ❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

#### ❖ Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn thực hiện tính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định, và không có các khoản phải nộp quá hạn.

*Bảng 10*

*DVT: đồng*

STT	Khoản mục	Năm 2017	Giai đoạn 2 năm 2016	Giai đoạn 1 năm 2016
<b>I</b>	<b>Số liệu BCTC hợp nhất</b>			
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.606.576.222	93.311.175
2	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.017.499	2.017.499
	<b>Tổng cộng</b>	-	<b>95.328.674</b>	<b>71.384.412</b>
<b>II</b>	<b>Số liệu BCTC công ty mẹ</b>			
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.430.498.378	2.552.976.222	69.366.913
2	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.017.499	2.017.499	2.017.499
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.432.515.877</b>	<b>2.554.993.721</b>	<b>71.384.412</b>

*(Nguồn: các BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)*

Nhờ hoạt động sản xuất kinh doanh tốt với lợi nhuận khá, năm 2016, tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải đóng vào ngân sách nhà nước tăng lên 2,6 tỷ đồng. Trong năm 2017, Công ty đã tiến hành đóng 2,51 tỷ tiền thuế thu nhập doanh nghiệp. Tính đến thời điểm cuối năm 2017, tổng các khoản phải nộp theo luật định của Công ty là trên 2,43 tỷ đồng.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm được Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành. Hiện tại, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, Công ty vẫn chưa tiến hành trích lập các quỹ.

❖ **Tổng dư nợ vay**

*Tình hình dư nợ vay của Công ty*

*Bảng 11*

*DVT: Đồng*

ST T	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2016	13/06/2016	31/12/2015
---------	-----------	------------	------------	------------	------------

<b>I Số liệu BCTC hợp nhất</b>					
<b>I</b>	<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	-	<b>48.805.874.285</b>	<b>36.254.745.508</b>	<b>38.296.120.166</b>
a.	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – CN An Phú	-	24.905.000.000	22.682.500.000	19.030.788.000
b.	Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Ông Ích Khiêm	-	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
c.	Ngân hàng TMCP Công thương – CN 2 Tp. Hồ Chí Minh	-	0	0	1.990.000.000
d.	Ngân hàng TMCP An Bình – CN Bến Thành	-	0	0	2.665.000.000
e.	Ngân hàng TMCP quốc dân – PGD Cộng Hòa – CN Sài Gòn	-	5.506.960.000	-	-
f.	Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế CHAILEASE	-	0	0	665.586.658
g.	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu (ACB Leasing)	-	0	3.712.045.500	3.712.045.500
h.	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh	-	0	1.625.000.008	1.787.500.008
i.	Công ty cho thuê tài	-	5.839.914.285	5.935.200.000	6.145.200.000

	chính TNHH MTV ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh				
<b>2</b>	<b>Vay và nợ dài hạn</b>	-	<b>29.228.995.715</b>	<b>36.567.615.210</b>	<b>45.417.041.557</b>
a.	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – CN An Phú	-	0	0	5.058.335.677
b.	Ngân hàng TMCP quốc dân – PGD Cộng Hòa – CN Sài Gòn	-	6.240.710.000	-	-
c.	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu (ACB Leasing)	-	0	7.729.315.230	8.558.214.230
d.	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh	-	0	2.312.499.980	2.732.291.650
e.	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh	-	22.988.285.715	26.525.800.000	29.072.200.000
	<b>Tổng cộng</b>	-	<b>78.034.870.000</b>	<b>72.822.360.718</b>	<b>83.713.161.723</b>



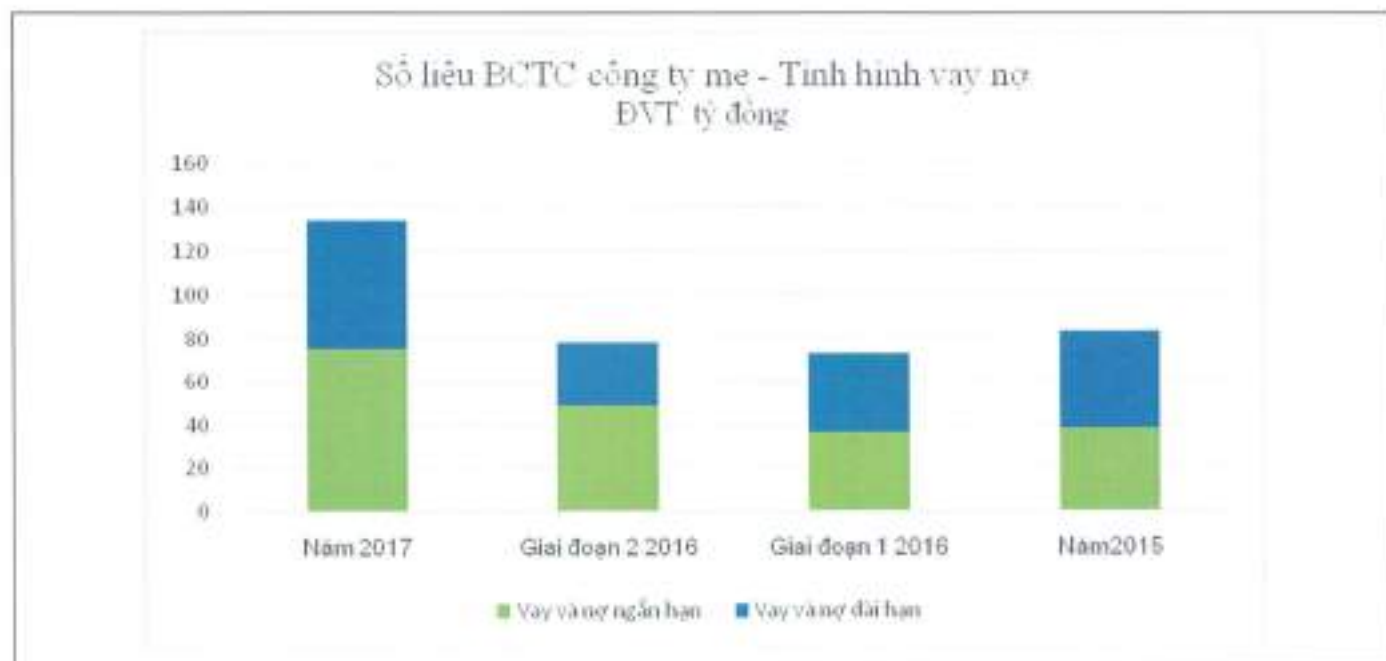
Số liệu BCTC hợp nhất - Tình hình vay nợ  
ĐVT: tỷ đồng



II		Số liệu BCTC công ty mẹ			
<b>I</b>	<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>75.627.668.525</b>	<b>48.805.874.285</b>	<b>36.254.745.508</b>	<b>38.296.120.166</b>
a.	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – CN An Phú	24.904.391.201	24.905.000.000	22.682.500.000	19.030.788.000
b.	Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Ông Ích Khiêm	-	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
c.	Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – CN 2 Tp. Hồ Chí Minh	-	0	0	1.990.000.000
d.	Ngân hàng TMCP An Bình – CN Bến Thành	-	0	0	2.665.000.000
e.	Ngân hàng TMCP quốc dân – PGD Cộng Hòa – CN Sài Gòn	3.311.000.000	5.506.960.000	-	-
f.	Ngân hàng TMCP Đông Á	25.000.000.000	-	-	-

g.	Ngân hàng TMCP quân đội – CN Tân Cảng	4.000.000.000			
h.	Nguyễn Thy Mai	-	5.200.000.000	-	-
i.	Nguyễn Thanh Quang	-	5.000.000.000	-	-
j.	Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế CHAILEASE	-	0	0	665.586.658
k.	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu (ACB Leasing)	-	0	3.712.045.500	3.712.045.500
l.	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh	-	0	1.625.000.008	1.787.500.008
m.	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh	7.712.408.710	5.893.914.285	5.935.200.000	6.145.200.000
	<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>10.699.868.614</b>	-	-	-
n.	Ngân hàng Quốc Dân – PGD Công Hòa	3.255.960.000	-	-	-
o.	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam	1.337.824.610	-	-	-
p.	Ngân hàng TMCP	2.720.000.004	-	-	-

	Đông Á				
q.	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	3.386.084.000	-	-	-
<b>2</b>	<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>59.689.394.515</b>	<b>29.228.995.715</b>	<b>36.567.615.210</b>	<b>45.417.041.557</b>
a.	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – CN An Phú	11.872.419.290	0	0	5.058.335.677
b.	Ngân hàng TMCP quốc dân PGD Cộng Hòa – CN Sài Gòn	2.984.750.000	6.240.710.000	-	-
c.	Ngân hàng TMCP Đông Á	9.519.999.994	-	-	-
d.	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	24.776.836.000	-	-	-
e.	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu (ACB Leasing)	-	0	7.729.315.230	8.554.214.230
f.	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh	-	0	2.312.499.980	2.732.291.650
g.	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh	10.535.389.231	22.988.285.715	26.525.800.000	29.072.200.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>135.317.063.040</b>	<b>78.034.870.000</b>	<b>72.822.360.718</b>	<b>83.713.161.723</b>



(Nguồn: các BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Tính đến thời điểm đăng ký niêm yết, Công ty không có khoản nợ quá hạn trên 1 năm nào phải thanh toán. Trong năm 2016, ban lãnh đạo Công ty chủ trương giảm dần cơ cấu nợ vay của Công ty: tăng tỷ trọng vay và nợ ngắn hạn, giảm tỷ trọng vay và nợ dài hạn. Trong năm 2015, theo số liệu BCTC công ty mẹ, khoản vay và nợ dài hạn là 45,4 tỷ đồng, chiếm 54,25% tổng nợ vay, và khoản vay và nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng 45,75% tổng nợ vay của Công ty, trong khi đó, khoản vay và nợ ngắn hạn năm 2016 chiếm 62,54% đạt mức 48,8 tỷ đồng, khoản vay và nợ dài hạn năm 2016 chỉ chiếm 37,46%. Hơn thế nữa, trong năm 2016, để phục vụ triển khai cho một số dự án hệ thống lò hơi, lò nhiệt Công ty đã tiến hành tăng các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn từ 39,5 tỷ năm 2015 lên trên 48,8 tỷ đồng tức là đã tăng 23,45% so với năm ngoái. Trong khi đó, Công ty cũng tiến hành thanh toán hết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn đã đến kỳ đáo hạn, do đó các khoản vay và nợ dài hạn giảm gần 33,95% so với năm 2015 xuống còn 29,22 tỷ đồng. Nhờ vậy, tổng nợ vay 2016 của Công ty giảm xuống còn 78 tỷ đồng, bằng 93,21% so với năm 2015. Bên cạnh đó, cơ cấu khoản vay và nợ ngắn hạn và dài hạn giữa 2 giai đoạn cũng có sự điều chỉnh: tăng tỷ trọng vay ngắn hạn và giảm tỷ trọng vay dài hạn.

Trong 2017 Công ty tiếp tục tiến hành tăng đáng kể các khoản vay và nợ lên trên 135,3 tỷ đồng, tăng 73,4% so với đầu kỳ, trong đó, cơ cấu các khoản Vay và nợ ngắn hạn và Vay và nợ dài hạn có sự tăng khác nhau trong cùng năm tài chính, theo hướng tăng nhiều các khoản vay và nợ dài hạn hơn. Trong khi Vay và nợ ngắn hạn tăng gần 55% từ xấp xỉ 29,45 tỷ đồng lên 57,2 tỷ đồng, thì Vay và nợ dài hạn tăng 104,2% so với con số của năm 2016 lên mức gần 59,7 tỷ đồng. Lý do chính của việc tăng này là để đầu tư vào một số dự án như dự án cung cấp hệ thống hơi nhiệt cho công ty TNHH Heinen Việt Nam, hay dự án cung ứng hệ thống hơi nhiệt cho công ty TNHH nước giải khát Pepsico Việt Nam,...., và nghiên cứu dự án nhà máy bột cá ở Cần Thơ theo định hướng phát triển mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh mà ban lãnh đạo Công ty đã đề ra cho giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020.

❖ Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Bảng 12

DVT: Đồng

STT	Khoản mục	Năm 2017	Giai đoạn 2 năm 2016	Giai đoạn 1 năm 2016	Năm 2015
<b>I</b>	<b>Số liệu BCTC hợp nhất</b>				
<b>A</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	-	<b>75.441.727.150</b>	<b>43.280.756.227</b>	<b>29.841.802.554</b>
1	Phải thu của khách hàng	-	60.042.225.557	31.351.843.565	9.099.031.545
2	Trả trước cho người bán	-	8.149.208.052	4.796.203.612	4.570.846.870
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	4.500.000.000	4.500.000.000	12.500.000.000
4	Các khoản phải thu khác	-	3.650.282.691	3.472.675.596	4.074.747.560
5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	(899.989.150)	(839.966.546)	(402.823.421)
<b>B</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	<b>40.237.365.630</b>	<b>2.031.647.182</b>	<b>4.507.357.250</b>
1	Phải thu dài hạn khác	-	40.237.365.630	2.031.647.182	4.507.357.250
	<b>Tổng cộng từ các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu dài hạn</b>	-	<b>115.489.223.407</b>	<b>51.514.466.016</b>	<b>41.067.635.792</b>
<b>II</b>	<b>Số liệu BCTC công ty mẹ</b>				
<b>A</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>85.717.581.528</b>	<b>70.671.727.150</b>	<b>38.659.034.916</b>	<b>25.341.802.554</b>
1	Phải thu của khách hàng	34.921.834.376	60.042.225.557	31.351.843.565	9.099.031.545

2	Trả trước cho người bán	2.346.082.102	8.149.208.052	4.796.203.612	4.570.846.870
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	0	0	8.000.000.000
4	Các khoản phải thu khác	48.449.665.050	3.380.282.691	3.350.954.285	4.074.747.560
5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	(899.989.150)	(839.966.546)	(402.823.421)

Số liệu BCTC công ty mẹ - Khoản phải thu ĐVT tỷ đồng



<b>B</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>112.928.370</b>	<b>40.237.365.630</b>	<b>2.031.647.182</b>	<b>4.507.357.250</b>
1	Phải thu dài hạn khác	112.928.370	40.237.365.630	2.031.647.182	4.507.357.250



<b>Tổng cộng từ các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>85.830.509.898</b>	<b>110.979.099.607</b>	<b>46.882.660.905</b>	<b>36.557.551.992</b>
---	-----------------------	------------------------	-----------------------	-----------------------



(Nguồn: các BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Do đặc điểm kinh doanh của ngành nghề mà Công ty đang hoạt động: luôn có sự thỏa thuận cho khách hàng tạm nợ một lượng tiền hàng nhất định, nên các khoản phải thu của khách hàng thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng các khoản phải thu của Công ty.

Theo số liệu BCTC công ty mẹ, năm 2015, tổng các khoản phải thu là trên 36,55 tỷ đồng, trong đó, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm 31,91% các khoản phải thu ngắn hạn và 24,89% tổng các khoản phải thu của Công ty; con số này năm 2016 lần lượt là 81,1% và 79,79%. Điều này là do việc tái cơ cấu và mở rộng hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh hơn với việc ký kết thêm các đơn hàng mới có giá trị lớn hơn với các khách hàng cũ, đồng thời, thâm nhập sâu hơn vào thị trường cá nhân, thay vì chỉ chú trọng vào thị trường cung ứng cho các công ty. Năm 2015, ông Trần Kim Cương – Phó tổng giám đốc đã vay Công ty 8 tỷ đồng, nhưng đã trả hết trong giai đoạn 1 của năm 2016. Việc mở rộng mạng lưới nhà cung ứng đã gián tiếp làm tăng các khoản trả trước người bán. Năm 2015, khoản trả trước cho người bán là gần 4,6 tỷ đồng, chiếm 18,03% các khoản phải thu ngắn hạn và 12,39% tổng các khoản phải thu; đến cuối năm 2016, con số này đã tăng đã là trên 8 tỷ đồng, tăng khoảng 78,31% nhưng chỉ chiếm khoảng 11,4% các khoản phải thu ngắn hạn và 7,34% tổng các khoản phải thu trong năm tài chính. Khoản phải thu khác có sự biến động không đáng kể. Công ty đang có các khoản phải thu khó đòi trị giá gần 1,34 tỷ đồng nên đã tiến hành trích lập dự phòng theo quy định của pháp luật.

Trong 2017, các khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán đều có sự giảm mạnh, lần lượt là 41,34% và 71,2% so với con số cuối năm 2016, đó là nhờ chính sách thắt chặt các khoản phải thu đối với các đối tác của Công ty, chỉ ưu tiên cho các khách hàng và nhà cung ứng lâu năm. Khoản phải thu khác có sự tăng đáng kể, từ mức 3,38 tỷ đồng cuối năm 2016 lên mức 48,45 tỷ đồng, chủ yếu là các khoản tạm ứng cho ban lãnh đạo để triển khai thực hiện các dự án của Công ty. Cơ cấu các khoản phải thu ngắn hạn trong 2017 của Công ty gồm 40,74% của khoản phải thu của khách hàng; 2,74% của khoản trả trước cho người bán; 56,52% của các khoản phải thu khác.

Theo BCTC công ty mẹ, trong năm 2016, các khoản phải thu dài hạn tăng gấp gần 900% từ 4,5 tỷ năm 2015 lên mức trên 40 tỷ đồng, do việc thay đổi phương án góp vốn hợp tác kinh doanh trong năm tài chính dẫn tới giá trị 40 tỷ đồng vốn góp trở thành khoản phải thu của các đối tác. Tính đến thời điểm cuối năm 2017, các khoản phải thu dài hạn này đã được thu hồi hết, chỉ còn các khoản ký quỹ ký cược trị giá gần 113 triệu đồng.

Nhìn chung, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn có xu hướng đối ngược nhau, trong khi các khoản phải thu ngắn hạn tăng lên thì các khoản phải thu dài hạn lại giảm xuống. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng dần qua các năm chủ yếu phục vụ cho quá trình đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như triển khai các dự án trọng điểm của Công ty. Các khoản phải thu ngắn hạn 2017 tăng xấp xỉ 21,29% so với năm 2016. Các khoản phải thu dài hạn 2017 lại giảm mạnh so với 2016, từ 40,2 tỷ xuống còn gần 113 triệu đồng.



**Các khoản phải trả**

*Bảng 13*

*ĐVT: đồng*

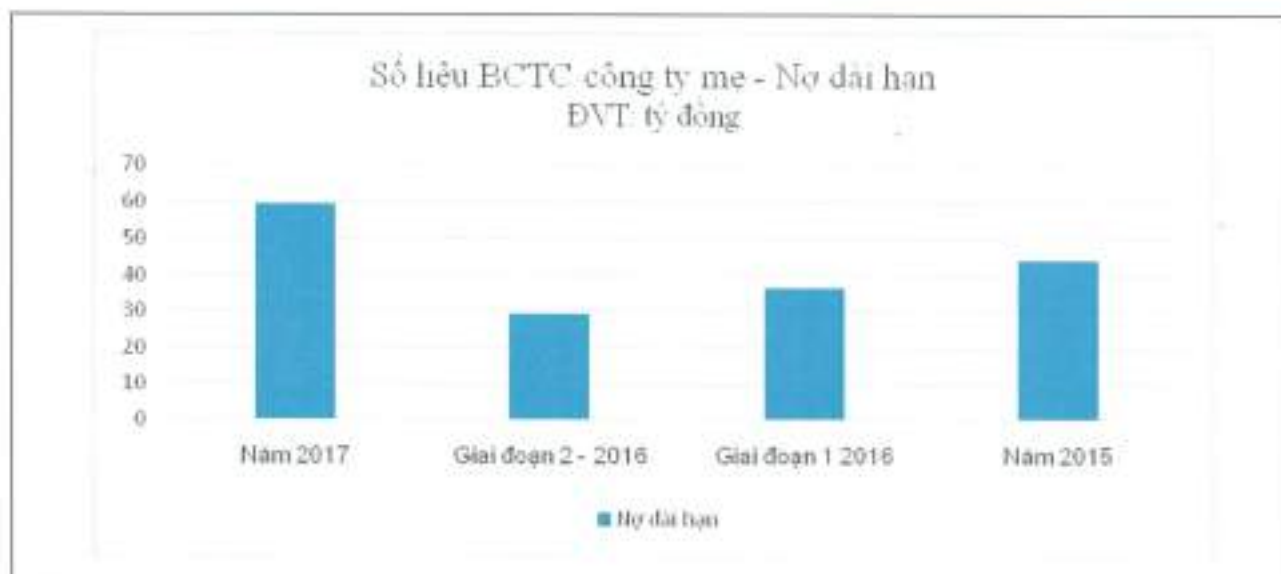
STT	Khoản mục	Năm 2017	Giai đoạn 2 năm 2016	Giai đoạn 1 năm 2016	năm 2015
<b>I</b>	<b>Số liệu BCTC hợp nhất</b>				
<b>A</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	-	<b>84.694.109.073</b>	<b>107.176.935.559</b>	<b>119.667.593.328</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	-	48.805.874.285	36.254.745.508	39.533.468.666
2	Phải trả người bán	-	29.639.454.940	62.517.906.048	72.220.241.850
3	Người mua trả tiền trước	-	500.000.000	6.397.929.204	6.168.550.480
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	2.608.593.721	95.328.674	71.384.412
5	Phải trả công nhân viên	-	902.433.097	697.548.940	894.421.886
6	Chi phí phải trả	-	416.861.747	139.193.965	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	-	1.820.891.283	1.074.283.220	779.526.034
<b>B</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	-	<b>29.228.995.715</b>	<b>36.567.615.210</b>	<b>44.179.693.057</b>
1	Vay và nợ dài hạn	-	29.228.995.715	36.567.615.210	44.179.693.057
	<b>Tổng cộng vay/ nợ ngắn hạn và dài hạn</b>	-	<b>113.923.104.788</b>	<b>143.744.550.769</b>	<b>163.847.286.385</b>
<b>II</b>	<b>Số liệu BCTC công ty mẹ</b>				
<b>A</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>97.665.396.346</b>	<b>84.640.509.073</b>	<b>107.152.991.297</b>	<b>119.667.593.328</b>

1	Vay và nợ ngắn hạn	75.627.668.525	48.805.874.283	36.254.745.508	39.533.468.666
2	Phải trả người bán	16.347.341.992	29.639.454.940	62.517.906.048	72.220.241.850
3	Người mua trả tiền trước	-	500.000.000	6.397.929.204	6.168.550.480
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.432.515.877	2.554.993.721	71.384.412	71.384.412
5	Phải trả người lao động	855.096.673	902.433.097	697.548.940	894.421.886
6	Chi phí phải trả	211.609.588	416.861.747	139.193.965	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	2.191.163.691	1.820.891.283	1.074.283.220	779.526.034

**Số liệu BCTC công ty mẹ - Nợ ngắn hạn**  
**ĐVT: tỷ đồng**



<b>B</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>59.689.394.515</b>	<b>29.228.995.715</b>	<b>36.567.615.210</b>	<b>44.179.693.057</b>
1	Vay và nợ dài hạn	59.689.394.515	29.228.995.715	36.567.615.210	44.179.693.057



<b>Tổng cộng vay/ nợ ngắn và dài hạn phải trả</b>	<b>157.354.790.861</b>	<b>113.869.504.788</b>	<b>143.720.606.507</b>	<b>163.847.286.385</b>
---	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------



(Nguồn: các BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Nhìn chung, các khoản vay và nợ ngắn hạn và khoản phải trả cho người bán luôn chiếm một tỷ trọng rất cao nhất trong tổng các khoản phải trả, phản ánh đúng đặc điểm các mảng hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty.

Theo số liệu BCTC công ty mẹ, tổng các khoản phải trả ngày 31/12/2015 là gần 163,85 tỷ đồng, trong đó, các khoản nợ ngắn hạn chiếm 73,04%, các khoản phải trả dài hạn chiếm 26,96%. Trong các khoản nợ ngắn hạn 2015, khoản phải trả cho người bán chiếm tỷ trọng lớn nhất 60,35% ở mức 72,22 tỷ đồng, tiếp theo sau là khoản vay và nợ ngắn hạn chiếm 33,04% ở mức 39,53 tỷ đồng. Ngoài ra, các khoản phải trả công nhân viên, và phải trả khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, lần

lượt là 0,75% và 0,65%. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 2015 chỉ là khoảng 71,4 triệu đồng, trong khi đó chi phí phải trả bằng 0.

Tổng các khoản phải trả 2016 của Công ty, theo số liệu BCTC công ty mẹ, có xu hướng giảm dần qua từng giai đoạn (đầu kỳ 2016, giữa kỳ 2016, cuối kỳ 2016) và so với năm 2015. Các khoản nợ ngắn hạn giảm đáng kể, từ gần 119,7 tỷ đồng xuống còn xấp xỉ 84,6 tỷ đồng, giảm gần 29,32%, trong đó, khoản phải trả cho người bán giảm mạnh nhất, 58,96% từ 72,2 tỷ đồng xuống còn 29,6 tỷ đồng. Cơ cấu các khoản nợ ngắn hạn cuối năm 2016 có sự thay đổi so với cùng kỳ năm ngoái: khoản vay và nợ ngắn hạn 2016 đã chiếm tỷ trọng cao nhất 57,66%, sau đó mới là khoản phải trả cho người bán (35,02%). Các khoản vay và nợ ngắn hạn 2016 tăng gần 23,45%, từ mức 39,53 tỷ đồng lên mức 48,5 tỷ đồng. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng có mức tăng ấn tượng từ 71,38 triệu đồng lên mức trên 2,5 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2016, các khoản phải trả công nhân viên, chi phí phải trả, và phải trả ngắn hạn khác có sự biến động không đáng kể, chiếm tỷ trọng nhỏ trong các khoản nợ ngắn hạn, chỉ lần lượt là 1,07%, 0,49% và 2,15%. Bên cạnh đó, các khoản nợ dài hạn của Công ty năm 2016 cũng giảm từ trên 44,1 tỷ đồng xuống còn khoảng 29,2 tỷ đồng, giảm gần 34%. Do đó, tổng các khoản nợ của Doanh nghiệp năm 2016 cũng giảm 30,23% so với năm 2015. Điều này cho thấy khả năng thanh toán nói riêng và tình hình tài chính doanh nghiệp nói chung của Công ty trong năm 2016 tốt hơn so với 2015.

Các khoản phải trả 2017 ghi nhận là trên 157,3 tỷ đồng, tăng gần 38,2% so với con số đầu kỳ, trong đó, các khoản nợ ngắn hạn tăng gần 15,4% từ mức 84,64 tỷ đồng lên mức 97,66 tỷ đồng, các khoản nợ dài hạn tăng xấp xỉ 104,2% từ mức 29,2 tỷ đồng lên mức gần 59,69 tỷ đồng. Hầu hết các khoản nợ ngắn hạn 2017 đều có xu hướng giảm, đáng chú ý là khoản phải trả người bán ngắn hạn giảm 44,85% so với năm 2016. Tuy nhiên, khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác lại có mức tăng đáng kể, lần lượt là 54,96% và 20,38% so với năm tài chính trước đó. Nhìn chung, cơ cấu các khoản phải trả không thay đổi so với năm trước, khi mà các khoản nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn với 62,07%, trong khi đó các khoản nợ dài hạn chỉ chiếm 37,93% tổng các khoản phải trả.

❖ **Hàng tồn kho**

*Tình hình hàng tồn kho của Công ty*

*Bảng 14*

*ĐVT: đồng*

STT	Khoản mục	Năm 2017	Giai đoạn 2 năm 2016	Giai đoạn 1 năm 2016	Năm 2015
<b>I</b>	<b>Số liệu BCTC hợp nhất</b>				
	<b>Hàng tồn kho</b>	-	29.521.129.635	57.906.280.119	54.841.981.689
1	Nguyên liệu vật liệu	-	13.256.132.127	51.277.132.195	47.908.084.229
2	Công cụ, dụng cụ	-	54.428.182	54.428.182	40.491.819

3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn	-	0	1.345.021.144	1.023.840.208
4	Thành phẩm	-	0	0	876.527.245
5	Hàng hóa	-	16.210.569.326	5.229.699.598	4.993.038.188
<b>II Số liệu BCTC công ty mẹ</b>					
	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>16.495.976.534</b>	<b>29.521.129.635</b>	<b>57.906.280.119</b>	<b>54.841.981.689</b>
1	Nguyên liệu vật liệu	4.714.652.375	13.256.132.127	51.277.132.195	47.908.084.229
2	Công cụ, dụng cụ	54.428.182	54.428.182	54.428.182	40.491.819
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn	0	0	1.345.031.144	1.023.840.208
4	Thành phẩm	0	0	0	876.527.245
5	Hàng hóa	11.726.895.977	16.210.569.326	5.229.688.598	4.993.038.188

(Nguồn: các BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Nhìn chung, tổng giá trị hàng tồn kho có xu hướng giảm qua các giai đoạn. Điều này, phần lớn, là do Công ty đã quan tâm đúng mức tới việc phát triển mạng lưới các nhà cung cấp của mình, đồng thời đạt được những thỏa thuận có lợi trong việc đảm bảo nguồn cung hàng hóa đến tận kho, làm cơ sở để có thể giảm giá trị hàng tồn kho một cách hợp lý. Tổng giá trị hàng tồn kho năm 2016 đã giảm 46,71% từ 54,8 tỷ năm 2015 đồng xuống còn 29,5 tỷ đồng, trong đó, phải kể đến nguyên liệu vật liệu giảm 72,33% trong cùng khoảng thời gian. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn và thành phẩm lưu kho của năm 2015 đều được kết chuyển hết vào hàng hóa của năm 2016. Hàng hóa chiếm tỷ trọng cao nhất, 54,91% trong tổng giá trị hàng tồn kho 2017, tiếp theo là nguyên liệu vật liệu, 44,9%. Công cụ dụng cụ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng giá trị hàng tồn kho. Bên cạnh đó, trong năm 2016, Công ty đã ký kết thêm các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu đột cho các khách hàng, tạo điều kiện để đẩy nhanh vòng quay hàng tồn kho hơn.

Hàng tồn kho 2017 đạt gần 16,5 tỷ đồng, giảm gần 44,12% so với năm 2016, trong đó, hàng hóa vẫn duy trì đóng góp tỷ trọng lớn nhất, với 71,09%, và giảm khoảng 27,66% so với giá trị đầu kỳ kế toán. Nguyên vật liệu chiếm 28,58% tổng giá trị hàng tồn kho, với trên 4,7 tỷ đồng, và giảm

trên 64,43% so với năm 2016. Công cụ dụng cụ vẫn chiếm tỷ trọng không đáng kể trong hàng tồn kho.

Công ty không tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do hàng hóa thành phẩm nhập kho đều đã có đơn hàng theo hợp đồng đặt mua, giá bán lớn hơn giá vốn, cùng với đó, thời gian lưu kho bình quân của hàng hóa là khoảng 3 tháng, tốc độ luân chuyển nhanh.

❖ **Đầu tư tài chính dài hạn**

*Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

*Bảng 15*

*DVT: đồng*

STT	Khoản mục	Năm 2017	Giai đoạn 2 năm 2016	Giai đoạn 1 năm 2016	Năm 2015
<b>I</b>	<b>Số liệu BCTC hợp nhất</b>				
1	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Số liệu BCTC công ty mẹ</b>				
1	Đầu tư tài chính dài hạn	20.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
1.1	Đầu tư vào công ty con	-	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
1.2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	20.000.000.000	-	-	-

*(Nguồn: các BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)*

Năm 2015 và 2016, Công ty có một công ty con là Công ty TNHH phát triển năng lượng Đại Dương, vốn điều lệ 5 tỷ đồng. Ngày 23/01/2017, Công ty đã thực hiện thoái hoàn toàn vốn khỏi công ty này, như vậy tính tới thời điểm đăng ký niêm yết, Công ty TNHH phát triển năng lượng Đại Dương không còn là công ty con của Công ty. Cùng thời điểm này, Công ty có tiến hành đầu tư hợp tác kinh doanh với công ty TNHH đầu tư công nghiệp Đông Thành với số vốn là 20 tỷ đồng. Sau đó, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty số: 06/2017/NQ-ĐHĐCĐ/DDG ra ngày 08/03/2017, cùng với Nghị quyết HĐQT số 01/2017/NQ-HĐTV/DT ra ngày 10/03/2017 của công ty TNHH đầu tư công nghiệp Đông Thành, số vốn hợp tác kinh doanh chuyển thành vốn góp của Công ty vào công ty Đông Thành trị giá 20 tỷ đồng. Như vậy, tính đến thời điểm đăng ký niêm yết, công ty TNHH đầu tư công nghiệp Đông Thành là công ty liên kết của Công ty.

**11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

*Các chỉ tiêu tài chính của Công ty*

*Bảng 16*

Các chỉ tiêu	DVT	2017	Giai đoạn 2 năm 2016	Giai đoạn 1 năm 2016	Năm 2015
<b>I. Số liệu BCTC hợp nhất</b>					
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <u>Tài sản ngắn hạn</u> Nợ ngắn hạn	Lần	-	1,27	1,01	0,80
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)</u> Nợ ngắn hạn	Lần	-	0,92	0,47	0,34
<b>2. Chỉ số về cơ cấu nợ</b>					
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	-	47,68	65,75	76,67
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-	91,13	192,01	328,65
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>					
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	-	2,43	0,99	4,29
			3,85		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	-	0,55	0,28	1,05
			0,83		
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	8,11	-	-
			4,26		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-	10,31	-	-
			9,12		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-	4,50	-	-
			3,52		
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	11,46	-	-
			6,81		

<b>II. Số liệu BCTC công ty mẹ</b>					
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <u>Tài sản ngắn hạn</u> Nợ ngắn hạn	Lần	1,12	1,21	0,97	0,75
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,96	0,86	0,26	0,30
<b>2. Chỉ số về cơ cấu nợ</b>					
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	54,12	47,88	66,08	77,03
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	117,97	91,86	194,84	335,38
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>					
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	8,37	2,43	0,99	4,17
			3,85		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,83	0,56	0,28	1,03
			0,83		
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,31	8,02	-	-
			4,26		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở (hữu bình quân)	%	7,07	10,31	-	-
			9,22		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	3,24	4,48	-	-
			3,54		
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,45	11,34	-	-
			6,82		

(Nguồn: các BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)



Từ số liệu BCTC hợp nhất và BCTC công ty mẹ cho thấy khả năng thanh toán của Công ty được cải thiện đáng kể từ 2015 đến 2016, hệ số thanh toán tăng từ 0,80 lần lên 1,27 lần, hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 0,34 lần lên 0,92 lần. Bên cạnh đó, cơ cấu nợ của Công ty cũng hợp lý hơn, khi mà năm 2015, tổng số nợ gấp hơn 3 lần vốn chủ sở hữu, và chiếm 76,67% tổng tài sản, đến năm 2016, con số này lần lượt chỉ là 91,13% và 47,68%. Các chỉ số năng lực hoạt động có sự thay đổi không đáng kể. Do lợi nhuận giai đoạn 1 năm 2016 ghi nhận mức âm, nên chỉ tiêu khả năng sinh lời không có. Nhìn chung, các chỉ số có sự cải thiện đáng kể giữa 2 giai đoạn. Tình hình tài chính 2017 khá ổn định với các chỉ tiêu về khả năng thanh toán giữ ở mức cao, đều ở mức xấp xỉ 1, trong khi đó, các chỉ tiêu về cơ cấu nợ đang duy trì ở mức chấp nhận được nếu so với với các giai đoạn trước: hệ số nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu nhỏ hơn so với năm 2015 và giai đoạn 1 năm 2016. Các chỉ tiêu năng lực hoạt động gần như được giữ nguyên so với năm ngoái, thậm chí có sự cải thiện hơn khi vòng quay hàng tồn kho tăng lên 8,37 vòng, cho thấy được khả năng luân chuyển hàng lớn trong doanh nghiệp, giảm thiểu các rủi ro phát sinh do ứ đọng hàng hóa và trích lập dự phòng hàng tồn kho gây ra. Các chỉ số sinh lời, nhìn chung, được giữ ổn định so với năm 2016.

## 12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

### 12.1. Danh sách nhân sự chủ chốt

Bảng 17

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số lượng cổ phần sở hữu
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Trần Kim Sa	Chủ tịch HĐQT	01/04/1970	1.500.000
2	Nguyễn Thanh Quang	Thành viên HĐQT	18/08/1961	1.500.000
3	Trần Kim Cương	Thành viên HĐQT	21/08/1976	500.000
4	Nguyễn Trung Quốc	Thành viên HĐQT	22/07/1974	37.500
5	Tạ Thị Ngọc Thảo	Thành viên HĐQT	15/8/1957	500.000
<b>II</b>	<b>Ban Tổng giám đốc</b>			
1	Trần Kim Sa	Tổng giám đốc	01/04/1970	1.500.000
2	Trần Kim Cương	Phó Tổng giám đốc	21/08/1976	500.000
3	Nguyễn Trung Quốc	Phó Tổng giám đốc	22/07/1974	37.500
<b>III</b>	<b>Ban kiểm soát</b>			
1	Nguyễn Văn Thảo	Trưởng BKS	29/11/1994	-
2	Cai Hà Ái Mỹ	Thành viên BKS	16/09/1995	-

3	Nguyễn Mạnh Tiến	Thành viên BKS	14/08/1986	-
<b>IV</b>	<b>Kế toán trưởng</b>			
1	Ngô Hoàng Yến	Kế toán trưởng	16/06/1976	224.000

## 12.2. Sơ yếu lý lịch

### ❖ Lý lịch Hội đồng quản trị

#### a. BÀ: TRẦN KIM SA – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : TRẦN KIM SA
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 01/04/1970
- Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 592 Nguyễn Duy, phường 10, quận. 8, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số CMND: 022557947 Ngày cấp: 01/06/2012 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 0938035555
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2003 – 2000	Công ty TNHH Đại Dương	Giám đốc
Từ năm 2001 – 2008	CTCP Hoa Nguyên	Giám đốc
Từ năm 2009 – 2010	Công ty TNHH Hưng Điền	Thành viên HĐQT
Từ tháng 06/2010 – 06/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Từ 07/2016 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 1.500.000 cổ phần, chiếm 12,50% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên người có liên quan: *Trần Kim Cương*

Mối quan hệ: *Em trai*

Số cổ phần sở hữu: *500.000 cổ phần, chiếm 4,17% vốn điều lệ*

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không

**b. ÔNG: NGUYỄN THANH QUANG - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : NGUYỄN THANH QUANG
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 18/08/1961
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : 22/9 Yên Thế, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 025719411 Ngày cấp: 27/05/2013 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0931966668
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ kỹ thuật nhiệt
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc kỹ thuật
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giảng viên – ĐH Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1985 – 1996	Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	Giảng viên
Từ năm 1996 – 2000	Đại học kỹ thuật Tổng hợp Dresden, Cộng hòa liên bang Đức	Nghiên cứu sinh
Từ năm 2001 – 2009	Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	Giảng viên
Từ năm 2002 – 2009	Công ty TNHH Trường Quang II – Đà Nẵng	Giám đốc
Từ năm 2009 – 2010	CTCP kỹ thuật nhiệt năng	Giám đốc
Từ năm 2009 – 2011	Đại học Sư phạm kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	Giảng viên thỉnh giảng
Từ năm 2011 – nay	Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh	Giảng viên hợp đồng
Từ năm 2012 – 06/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc kỹ thuật
Từ tháng 06/2016 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc kỹ

		<b>thuật</b>
--	--	--------------

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 1.500.000 cổ phần, chiếm 12,50% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không

**c. ÔNG: TRẦN KIM CƯƠNG - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : TRẦN KIM CƯƠNG
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21/08/1976
- Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 592 Nguyễn Duy, phường 10, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 023021618 Ngày cấp: 03/10/2011 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0909 809 868
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : không
- Quá trình công tác :

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
Từ năm 2000 – 2009	CTCP Hoa Nguyên	Trưởng phòng
Từ năm 2010 – 2012	Công ty Việt Nguyên	Giám đốc
Từ năm 2012 – 06/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Phó giám đốc
Từ tháng 06/2016 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 500.000 cổ phần, chiếm 4,17% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

o Sở hữu của người có liên quan:

1. *Họ tên người có liên quan: Trần Kim Sa*

*Mối quan hệ: Chị gái*

*Số cổ phần sở hữu: 1.500.000 cổ phần, chiếm 12,50% vốn điều lệ*

2. *Họ tên người có liên quan: Trần Ngọc Phụng*

*Mối quan hệ: Vợ*

*Số cổ phần sở hữu: 1.120.000 cổ phần, chiếm 9,33% vốn điều lệ*

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không

**d. ÔNG: NGUYỄN TRUNG QUỐC – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : NGUYỄN TRUNG QUỐC
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 22/07/1974
- Nơi sinh : Đồng Nai
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND: 024562803 Ngày cấp: 16/06/2006 Nơi cấp: Tp. Hồ Chí Minh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 65/3D Khu phố 6, phường Tân Thới Nhất, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0906934079
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1997 – 2000	Công ty Tapo Lũng Lô – thủy điện Hàm Thuận Đa-Mi	Giám sát kỹ thuật
Từ năm 2000 – 2004	Công ty TNHH Thang máy Sinh Tài	Phó giám đốc
Từ năm 2004 – 2010	Công ty TNHH Kỹ thuật môi trường PST	Trợ lý giám đốc
Từ năm 2010 – 2011	Công ty TNHH Hơi và Điện Tín Thành	Trưởng phòng kế hoạch
Từ năm 2011 – tháng 06/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Phó giám đốc
Từ tháng 06/2016 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 37.500 cổ phần, chiếm 0,31% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan:
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không

**e. BÀ: TẠ THỊ NGỌC THẢO – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : TẠ THỊ NGỌC THẢO
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 15/8/1957
- Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. HCM
- Số CMND: 001157009374 Ngày cấp: 10/08/2017 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 0903911518
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giảng viên – Trường Vietnam Marcom
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1981 – 2002	Làm kinh tế tư nhân	
Từ năm 2002 – 2006	Công ty TNHH Tạ Thị Ngọc Thảo	Giám đốc
Từ năm 2002 – 2011	Công ty TNHH T.T.N.T	Giám đốc
Từ năm 2007 – nay	Trường Vietnam Marcom, Khoa Kinh tế - Tiếp thị địa ốc	Giảng viên thỉnh giảng
Từ tháng 06/2016 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 500.000 cổ phần, chiếm 4,17% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không có

❖ **Lý lịch Ban Tổng giám đốc**

**a. BÀ: TRẦN KIM SA - Tổng giám đốc**

(Xem mục Lý lịch Hội đồng quản trị – mục a.)

**b. ÔNG: TRẦN KIM CƯƠNG – Phó Tổng giám đốc**

(Xem mục Lý lịch Hội đồng quản trị – mục c.)

**c. ÔNG: NGUYỄN TRUNG QUỐC – Phó Tổng giám đốc**

(Xem mục Lý lịch Hội đồng quản trị – mục d.)

❖ **Lý lịch Ban kiểm soát**

**a. ÔNG: NGUYỄN VĂN THẢO – Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên : NGUYỄN VĂN THẢO
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 29/11/1994
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện tại: phường Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số CMND: 191834066 Ngày cấp: 16/06/2015 Nơi cấp: Thừa Thiên Huế
- Điện thoại liên lạc : 0901898930
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kiểm toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết : Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Tư vấn chứng khoán – CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 01/2016 – 04/2016	Công ty TNHH Kiểm toán Viet&Co	Kiểm toán viên
Từ tháng 06/2016 – nay	CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	Tư vấn chứng khoán
Từ tháng 06/2016 – 09/2017	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên Ban kiểm soát

Từ tháng 09/2017 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Trưởng Ban kiểm soát
------------------------	---	----------------------

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với công ty : không có

**b. BÀ: CAI HÀ ÁI MỸ - Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên : CAI HÀ ÁI MỸ
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 16/09/1995
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khối 7, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số CMND: 215319233 Ngày cấp: 28/01/2010 Tại: Bình Định
- Điện thoại liên lạc : 0975898169
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh và kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chuyên viên tư vấn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín(Sacombank)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 06/2016 – 09/2017	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Nhân viên
Tháng 09/2017 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên Ban kiểm soát
Tháng 12/2016 – nay	Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Chuyên viên tư vấn

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần



- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với công ty : không có

**c. ÔNG: NGUYỄN MẠNH TIẾN – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên : NGUYỄN MẠNH TIẾN
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/08/1986
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
- Số CMND: 012582090 Ngày cấp: 28/02/2013 Tại: Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 0906 661 683
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh và kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc miền của CTCP Sơn NEWTON quốc tế
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
Từ tháng 02/2010 – 08/2010	CTCP Chứng khoán SJC	Chuyên viên phân tích
Từ tháng 09/2010 – 10/2013	CTCP Chứng khoán Vndirect	Chuyên viên môi giới chứng khoán
Từ tháng 02/2015 – 05/2016	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Thực phẩm an toàn	Giám đốc bán lẻ
Từ tháng 05/2016 – nay	CTCP Sơn NEWTON quốc tế	Giám đốc miền
Từ tháng 09/2017 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không

- Lợi ích liên quan đối với công ty : không có
- ❖ **Lý lịch Kế toán trưởng: BÀ NGÔ HOÀNG YẾN**
  - Họ và tên : NGÔ HOÀNG YẾN
  - Giới tính : Nữ
  - Ngày tháng năm sinh : 16/06/1976
  - Nơi sinh : Đắk Lắk
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện tại: 206/7B, Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
  - Số CMND: 025679039 Ngày cấp: 15/10/2012 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
  - Điện thoại liên lạc : 0909841999
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết : Kế toán trưởng
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
  - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2003 – 2004	Công ty TNHH thiết bị điện C.T.D	Kế toán
Từ năm 2004 – 2011	Công ty TNHH Vũ Hoàng Hải	Giám đốc tài chính
Từ năm 2012 – 06/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Trưởng phòng kế toán
Từ tháng 06/2016 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Trưởng phòng kế toán

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 224.000 cổ phần, chiếm 1,87% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với công ty : không có

**13. Tài sản**

*Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016, và 31/12/2017*

*Bảng 18*

*DVT : đồng*

STT	Danh mục tài sản	Năm 2017			Giai đoạn 2 năm 2016			Giai đoạn 1 năm 2016			Năm 2015		
		NG (đồng)	GTCL (đồng)	% GTCL	NG (đồng)	GTCL (đồng)	% GTCL	NG (đồng)	GTCL (đồng)	% GTCL	NG (đồng)	GTCL (đồng)	% GTCL
<b>I</b>	<b>Số liệu BCTC hợp nhất</b>												
1	Nhà cửa vật tư, kiến trúc	-	-	-	3.562.933.427	2.456.825.150	73,96	5.302.844.245	4.061.315.525	76,59	6.744.512.079	5.789.519.556	85,83
2	Máy móc, thiết bị	-	-	-	71.315.136.734	51.570.967.363	71,63	45.185.610.685	31.841.129.151	70,47	40.033.599.723	30.150.962.207	75,31
3	Thiết bị quản lý	-	-	-	676.841.552	364.340.802	64,44	788.626.098	474.136.604	60,12	788.626.098	534.339.123	67,76
	<b>Tổng TSCD hữu hình</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>75.554.911.713</b>	<b>54.392.133.315</b>	<b>71,77</b>	<b>51.277.081.028</b>	<b>36.379.581.280</b>	<b>70,94</b>	<b>47.566.737.900</b>	<b>36.474.820.886</b>	<b>76,68</b>
<b>II</b>	<b>Số liệu BCTC công ty mẹ</b>												
1	Nhà cửa vật tư, kiến trúc	3.562.933.427	2.133.313.634	59,86	3.562.933.427	2.456.825.150	73,96	5.302.844.245	4.064.315.525	76,65	6.744.512.079	5.789.519.556	85,84

2	Máy móc, thiết bị	95.382.3 60.034	67.878.0 53.440	71,1 6	71.315.1 36.734	51.570.9 67.363	71,6 3	45.185.6 10.685	31.841.1 29.151	70,4 7	40.033.5 99.723	30.150.9 62.207	50,3 3
3	Thiết bị quản lý	676.841. 552	342.397. 470	50,5 9	676.841. 552	364.340. 802	64,4 4	788.626. 098	474.136. 604	60,1 2	788.626. 098	534.339. 123	67,7 6
	<b>Tổng TSCD hữu hình</b>	<b>99.622.1 35.013</b>	<b>70.353.7 64.544</b>	<b>71,6 2</b>	<b>75.554.9 11.713</b>	<b>54.392.1 13.315</b>	<b>71,7 6</b>	<b>51.277.0 81.028</b>	<b>36.379.5 81.280</b>	<b>70,9 5</b>	<b>47.566.7 37.900</b>	<b>36.474.8 20.886</b>	<b>76,6 8</b>

\* NG: nguyên giá (đồng)  
GTCL: giá trị còn lại

(Nguồn: các BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và BCTC 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Theo số liệu BCTC công ty mẹ, năm 2016, Công ty có tiến hành mua thêm máy móc trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn tới việc tăng lên giá trị nguyên giá của tổng tài sản cố định hữu hình. Trong đó, tại giai đoạn hoạt động dưới loại hình doanh nghiệp công ty cổ phần, Công ty đã tiến hành mua lại các tài sản cố định thuê tài chính với tổng giá trị là trên 25,7 tỷ đồng, do đó, làm giá trị nguyên giá của tổng tài sản cố định trong giai đoạn này tăng gần 47,35% so với giai đoạn trước đó lên mức trên 75,5 tỷ đồng. Năm 2017, Công ty tiếp tục tiến hành đầu tư vào dây chuyền sản xuất bột cá và hệ thống sấy và xử lý bã hèm và mua sắm một số trang thiết bị máy móc nhằm phục vụ cho một số dự án khác của Công ty, dẫn đến việc nguyên giá của máy móc, thiết bị tăng lên.

#### Tình hình tài sản của Công ty

Đặc điểm hoạt động dịch vụ cung cấp hơi nhiệt là các khách hàng sử dụng dịch vụ cho Công ty thuê đất để xây dựng hệ thống nhà xưởng và hệ thống lò cung cấp hơi nhiệt trên đó để phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất của khách hàng tại chính địa điểm nhà máy của khách hàng. Do đó, tài sản của Công ty là công trình trên đất và việc thuê đất được tự động gia hạn từng năm theo hoạt động cung cấp hơi nhiệt của Công ty

STT	Tên tài sản	Địa chỉ	Diện tích	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi	Tân Long, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	363,3m <sup>2</sup>	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty	Gia hạn từng năm và theo hợp đồng	Hợp đồng cung cấp hơi nhiệt số:

	nhiệt Mai Vinh			Mai Vinh	cung cấp hơi nhiệt	0104/HĐKT/DD-MV
2	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Nhật Nam	Huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	360 m <sup>2</sup>	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Nhật Nam	Gia hạn từng năm và theo hợp đồng cung cấp hơi nhiệt	Hợp đồng cung cấp hơi nhiệt số: 05/HDCN-2014
3	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Linh Hương	Xã Tân Long Hưng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	576 m <sup>2</sup>	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Linh Hương	Gia hạn từng năm và theo hợp đồng cung cấp hơi nhiệt	Hợp đồng cung cấp hơi nhiệt số: 2509/HĐKT/DD-LH
4	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Heiniken	KCN Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.560 m <sup>2</sup>	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Heiniken	10 năm	Hợp đồng cung cấp hơi nhiệt số: 0446/14/VBL
5	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Phước Hòa	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	390 m <sup>2</sup>	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Phước Hòa	Gia hạn từng năm và theo hợp đồng cung cấp hơi nhiệt	Hợp đồng cung cấp hơi nhiệt số: 1709/HĐKT/PH-DD
6	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Adeco	Đường số 4 cụm CN Khu Dân Cư Đô Thị Mới, Nhị Xuân, ấp 5 xã Xuân Thới Sơn, huyện Hoắc Môn, Tp.Hồ Chí Minh	88 m <sup>2</sup>	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Adeco	Gia hạn từng năm và theo hợp đồng cung cấp hơi nhiệt	Hợp đồng cung cấp hơi nhiệt số: 0106/2015/HĐCCH

**14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo**
*Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2017-2018*

Bảng 19

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	
		Giá trị (tỷ đồng)	% tăng so với năm 2017
1	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	140	4,96
2	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	220	6,93
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	11	16,68
4	Tỉ lệ LNST/VCSH (%)	7,86	0,79
5	Tỉ lệ LNST/DTT (%)	5,00	0,68
6	Tỷ lệ cổ tức (%/MG)	5	-

(Nguồn: CTCPĐầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

**14.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**

□ Về triển vọng phát triển ngành: các mảng hoạt động của Công ty nằm trong hai ngành có mức độ tăng trưởng và độ hấp dẫn vốn đầu tư nước ngoài FDI ấn tượng nhất của nền kinh tế Việt Nam trong năm vừa qua, đó là ngành công nghiệp chế biến chế tạo và ngành năng lượng, đặc biệt là phát triển năng lượng xanh được các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản quan tâm.

□ Về lợi thế cạnh tranh công nghệ và chất lượng của sản phẩm dịch vụ: Công ty hiện tại đang sở hữu độc quyền công nghệ “Lò hơi tầng sôi đốt Biomass” trên thị trường Việt Nam. Thực tiễn, công nghệ này đã đạt được hiệu quả cao trong việc cung ứng hơi nhiệt cho khách hàng, tiết kiệm nguyên nhiên liệu trong quá trình vận hành hệ thống, và được nhiều đối tác ưu tiên lựa chọn trong việc xây dựng hệ thống lò hơi nhiệt phục vụ sản xuất kinh doanh của mình. Công nghệ này đang và sẽ trở thành lợi thế cạnh tranh lớn của Doanh nghiệp trên thị trường. Đồng thời, Công ty cũng không ngừng nghiên cứu cải tiến và nâng cấp công nghệ, khuyến khích đội ngũ chuyên gia kỹ thuật phát minh ra những công nghệ mới đạt hiệu suất cao hơn với lượng nguyên nhiên liệu ít hơn, có tính ứng dụng vào thực tiễn sản xuất cao.

□ Về các giải pháp thực hiện, ban lãnh đạo Công ty đang triển khai các giải pháp mang tính định hướng lâu dài, cụ thể là:

- Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo tiếp tục tập trung vào nghiên cứu sản xuất và phân phối các sản phẩm nguyên liệu đốt từ phế phẩm nông lâm nghiệp và có mức sinh nhiệt cao, đáp ứng tốt nhu cầu của các hệ thống nhiệt, đây được Công ty đánh giá là một trong những thế mạnh tiềm năng của mình.

- Xây dựng mạng lưới nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu rộng rãi và có năng lực, đảm bảo lợi thế về nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định. Giám sát quản lý chất lượng từ khâu nhập các yếu tố đầu vào đến khâu cung ứng và vận chuyển đến địa điểm kinh doanh, dự trữ của khách hàng, nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ tốt nhất để phục vụ cho nhu cầu của khách hàng và đối tác, đồng thời, giúp giảm thiểu tối đa mức độ hao mòn, hỏng hóc, và các chi phí liên quan tới việc phục hồi chất lượng sản phẩm hoặc tiêu hủy sản phẩm, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Từ đó nâng cao uy tín trên thị trường.
- Tăng cường công tác quản lý công nghệ, nghiên cứu phát triển công nghệ mới và triển khai ứng dụng thử nghiệm trên thực tế, không ngừng giám sát theo dõi các công nghệ và chất lượng sản phẩm dịch vụ của đối thủ cạnh tranh nhằm đưa ra được những chiến lược kinh doanh phù hợp.
- Làm tốt công tác nghiên cứu thị trường nhằm bám sát thị trường, tập trung vào những thị trường trọng điểm có sức tiêu thụ lớn, đồng thời, tiếp tục triển khai các chương trình marketing truyền thông phù hợp với đặc thù của lĩnh vực hoạt động nhằm mở rộng và phát triển thêm thị trường ra các vùng, khu vực khác có tiềm năng. Tăng cường tiếp thị sản phẩm, phát triển các kênh phân phối và hệ thống bán hàng trong khu vực miền Nam, đồng bằng Sông Cửu Long và có thể mở rộng ra khu vực miền Nam Trung bộ.
- Thực hiện chính sách sản xuất dự trữ, lưu kho hợp lý, đảm bảo chất lượng của nguyên nhiên vật liệu lưu kho, giảm thiểu tối đa sự hao mòn của trang thiết bị máy móc trong kho, đồng thời, vẫn đáp ứng tốt, kịp thời và chính xác nhu cầu của thị trường và khách hàng mục tiêu, tối ưu hóa hàng tồn kho.
  - Về chi phí cấu tạo nên giá thành sản phẩm dịch vụ, Công ty đang tiếp tục tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất, thi công để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.
  - Về nguồn nhân lực, Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm lãnh đạo, đội ngũ chuyên gia kỹ thuật có trình độ, năng lực, kiến thức công nghệ cao và đội ngũ công nhân năng động, lành nghề. Công ty luôn chủ động, sáng tạo, hợp lý hóa quy trình sản xuất, khai thác các thị trường có lợi thế để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời, triển khai các hoạt động marketing hiệu quả nhằm mở rộng thêm thị phần.

Hiện tại, Công ty đã và đang có những hợp đồng đã được ký kết với các khách hàng thân thiết có thời hạn thực hiện hợp đồng kéo dài chục năm, đảm bảo nguồn doanh thu ổn định trong các năm tiếp theo của Công ty, tiêu biểu là:

- Công ty Chăn nuôi & Chế biến thực phẩm Sài Gòn, trực thuộc Tổng Công ty nông nghiệp Sài Gòn TNHH MTV  
Địa chỉ: 189 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Sản phẩm dịch vụ: cung cấp hơi  
Thời gian kết thúc hợp đồng: năm 2022
- Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu (Việt Nam)

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đức Hòa 1, lô E3-E4-E5-E6, ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, Long An  
 Sản phẩm dịch vụ: cung cấp hơi  
 Thời gian kết thúc hợp đồng: năm 2022

- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại & Dịch vụ Mai Vĩnh

Địa chỉ: ấp 6, xã Tân Long, huyện Phú Giáo, Bình Dương

Sản phẩm dịch vụ: cung cấp nhiệt

Thời gian kết thúc hợp đồng: năm 2024

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Đồng Nguyễn

Địa chỉ: Số 16, Hẻm 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 3, phường 3, thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Sản phẩm dịch vụ: cung cấp nhiệt

Thời gian kết thúc hợp đồng: năm 2024

- Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa

Địa chỉ: ấp 2, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Sản phẩm dịch vụ: cung cấp nhiệt

Thời gian kết thúc hợp đồng: năm 2024

- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhật Nam

Địa chỉ: Ấp 5, Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương

Sản phẩm dịch vụ: cung cấp nhiệt

Thời gian kết thúc hợp đồng: năm 2024

Ngoài ra, Công ty cũng đang tiến hành đàm phán tiến tới ký kết hợp đồng cung cấp hơi nhiệt – điện và cung cấp các sản phẩm đốt từ phế phẩm như: củi mùn cưa, củi trấu, viên nén mùn cưa, viên nén gỗ...

#### 14.2. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua

Ban lãnh đạo Công ty đang tiến hành xây dựng kế hoạch triển khai một số dự án liên quan tới ngành nghề hoạt động của mình, bao gồm:

- Dự án “Đồng cấp hơi nhiệt và điện công ty giấy Đồng Tiến Bình Dương”

Địa điểm đầu tư: tỉnh Bình Dương

Đối tác: Công ty TNHH giấy và bao bì Đồng Tiến

Công suất thiết kế: 25 tấn hơi nhiệt/h

Tổng mức đầu tư: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng)

- Dự án “Hệ thống hơi cấp Pepsi”

Địa điểm đầu tư: tỉnh Cần Thơ

Đối tác: Công ty TNHH nước giải khát Suntory Pepsi Việt Nam

Công suất thiết kế: 25 tấn hơi nhiệt/h

Tổng mức đầu tư: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng)

- Dự án “Đồng cấp hơi nhiệt và điện Heinken Vũng Tàu”



Địa điểm đầu tư: tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Đối tác: Công ty TNHH bia Heineken Việt Nam

Công suất thiết kế: 60 tấn hơi nhiệt/h

Tổng mức đầu tư: 60.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tỷ đồng*)

Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Công ty cũng đã phê duyệt dự án xử lý rác kết hợp sản xuất điện. Ngành năng lượng luôn rất quan trọng cho sự phát triển của mỗi quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam, do đó luôn là một ngành được Chính phủ quan tâm phát triển. Phương hướng phát triển ngành năng lượng sạch của Chính phủ Việt Nam là hướng tới phát triển ngành năng lượng bền vững, gắn liền với sự phát triển của năng lượng xanh (gió, mặt trời,...) và năng lượng tái tạo (năng lượng sinh khối: mùn cưa, trấu, phụ phẩm nông lâm nghiệp). Định hướng tới năm 2025, Việt Nam có thể khai thác 3.000 – 5.000 MW, công suất sản lượng hơn 10 tỷ kWh từ năng lượng xanh và năng lượng tái tạo.<sup>8</sup>

- Dự án “BIWASE - Đầu tư sản xuất điện tận dụng nhiệt thừa của lò đốt rác thải công nghiệp”

Địa điểm đầu tư: tỉnh Bình Dương

Đối tác: Công ty Cổ phần nước nước – môi trường Bình Dương

Công suất thiết kế: 200 tấn rác/ngày

Tổng mức đầu tư: 300.000.000.000 đồng (*Ba trăm tỷ đồng*)

Ngoài ra, với tư duy đổi mới để phát triển, Công ty đã không ngừng tìm tòi thêm các lĩnh vực hoạt động mới có biên lợi nhuận cao và ổn định, nhằm mở rộng hơn hoạt động kinh doanh của mình. Trong những năm gần đây, Ban lãnh đạo Công ty đã nghiên cứu và nhận thấy triển vọng phát triển của ngành nuôi trồng thủy hải sản ở Việt Nam, đặc biệt là ngành chế biến sản xuất bột cá ở các tỉnh ven biển thuộc đồng bằng Sông Cửu Long, đây cũng là địa bàn hoạt động lâu năm của Công ty. Ngành nuôi trồng thủy hải sản được xem là một trong những ngành mũi nhọn và được sự quan tâm hỗ trợ từ Chính phủ với Quyết định số 332/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về đặt mục tiêu phát triển dài hạn cho ngành thủy sản Việt Nam. Do đó, Hội đồng quản trị của Công ty đang nghiên cứu và định hướng phát triển thêm mảng hoạt động trong ngành này với Dự án nhà máy sản xuất bột cá ở Bình Dương. Đây được đánh giá là bước phát triển trong tầm tay của Công ty khi mà các địa bàn hoạt động truyền thống của Công ty cũng là nơi mà ngành nuôi trồng thủy hải sản rất phát triển, hơn thế nữa, công nghệ hơi nhiệt của Công ty sẽ hỗ trợ rất lớn trong quy trình sản xuất bột cá.

### **14.3. Chiến lược phát triển của công ty trong những năm tới**

Trong những năm tiếp theo Công ty cố gắng phấn đấu vượt qua khó khăn hiện nay và ổn định, phát triển hướng đến mục tiêu trở thành một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện tại thị trường miền Nam và Nam Trung Bộ.

#### **❖ *Tuân thủ pháp luật:***

<sup>8</sup>Nguồn thông tin từ website của Viện năng lượng: [www.ievn.com.vn/](http://www.ievn.com.vn/)

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

❖ **Công tác tổ chức nhân sự:**

Công ty tiếp tục củng cố và kiện toàn bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp các cấp để ổn định và phát triển doanh nghiệp, quản lý chặt chẽ việc đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh; Rà soát tổ chức từng đơn vị, phòng ban Công ty, xem xét bổ nhiệm, bố trí công việc cán bộ một cách phù hợp, kịp thời để tận dụng năng lực và nguồn lực cán bộ nhân viên; Thực hiện việc tái cấu trúc Doanh nghiệp, nếu cần thiết, thông qua các tổ chức chuyên gia có kinh nghiệm, giúp bộ máy lãnh đạo hoạt động một cách trơn tru và có hiệu quả.

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích tính sáng tạo, năng động cho người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV Công ty.

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, tin cậy, trẻ hoá đội ngũ quản lý, xây dựng văn hoá doanh nghiệp.

❖ **Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh:**

Hội đồng quản trị thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các nghị quyết và chỉ đạo Ban quản lý Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, thể hiện qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính đều đạt được và vượt mức đề ra so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HĐQT và Ban quản lý tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông, do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty

Tập trung rà soát, xây dựng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với mục tiêu chiến lược là tập trung vào giá trị cốt lõi và màng cốt lõi của Công ty; không ngừng cải tiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất để tăng năng suất lao động.

❖ **Công tác kinh tế kế hoạch, tài chính**

Xây dựng kế hoạch tài chính là nền móng quan trọng nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn lập ra các kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung và dài hạn một cách cụ thể để từng bước thực hiện có hiệu quả nhất, tránh để hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn; tính toán phân bổ hợp lý các nguồn vốn cho từng dự án trong thời gian cụ thể nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Công ty luôn chủ động, tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niềm yết trên thị trường chứng khoán; tạo dựng mối quan hệ bền chặt với các tổ chức tín dụng để thu xếp vay vốn phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh khi cần, đồng thời, chủ động trong việc thu hồi các khoản vay nợ, tín dụng của các khách hàng, đối tác kinh doanh trong quá trình sản xuất. Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.

Huy động vốn ứng trước của các chủ đầu tư, đối tác thi công dự án trong các hợp đồng thiết kế xây dựng; sửa đổi quy chế, quy định giao khoán nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế.

❖ **Phát triển nguồn nhân lực:**

Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng; ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ chuyên gia kỹ thuật có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời, Công ty cũng quan tâm tới việc trẻ hóa lực lượng CBCNV Công ty.

Công ty không ngừng nỗ lực xây dựng hình ảnh môi trường làm việc thân thiện, năng động, và hiệu quả bằng việc quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ, khuyến khích CBCNV học hỏi, tìm tòi, phát triển và hoàn thiện bản thân.

**15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn niềm yết về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán SJC đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ phục hồi và tăng trưởng trở lại của kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, Chúng tôi nhận thấy rằng lĩnh vực đang hoạt động của Doanh nghiệp là một lĩnh vực đầy tiềm năng, đang trên đà phát triển, đồng thời, phù hợp với điều kiện, định hướng phát triển kinh tế của đất nước và được Nhà nước ủng hộ. Giá cả các yếu tố đầu vào trên thị trường cũng có xu hướng ngày càng ổn định hơn, cùng đó là chính sách bình ổn giá cả các sản phẩm dịch vụ của Công ty, giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, đối tác cũng như là Doanh nghiệp tránh được những bất ổn không đáng có. Như vậy, nếu không có những biến động bất thường trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công

ty cũng như của nền kinh tế vĩ mô ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thì kế hoạch kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra cho giai đoạn 2017 – 2020 là có cơ sở và khả thi. Công ty có cơ sở để đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo như kế hoạch cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn niêm yết, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng phát triển của nền kinh tế vĩ mô, lĩnh vực tư vấn, thiết kế, lắp đặt và đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện tại Việt Nam, cũng như của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Doanh nghiệp hoàn toàn không đảm bảo giá trị của chứng khoán niêm yết cũng như sự chắc chắn của các số liệu dự báo. Những đánh giá này chỉ có tính chất tham khảo đối với các nhà đầu tư.

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

**17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu đăng ký niêm yết**

Không có.

**PHẦN V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

**1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

**2. Mệnh giá**

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/ cổ phiếu

**3. Mã chứng khoán**

**DDG**

**4. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch**

Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: **12.000.000** cổ phiếu

**5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:**

**5.1. Hạn chế chuyển nhượng của người nội bộ và cổ đông lớn là người có liên quan**

Theo quy định tại khoản d Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 06 tháng kể từ ngày niêm yết của Công ty là **5.061.500** cổ phiếu chiếm trên **42,18%** vốn điều lệ; tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 01 năm kể từ ngày niêm yết là **2.530.750** cổ phiếu chiếm trên **21,09%** tổng số cổ phiếu.

Bảng 20

Đơn vị: cổ phần

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 1 năm kể từ ngày niêm yết
1	Trần Kim Sa	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.500.000	750.000
2	Nguyễn Thanh Quang	Thành Viên HĐQT	1.500.000	750.000

3	Trần Kim Cương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	500.000	250.000
4	Nguyễn Trung Quốc	Thành Viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	37.500	18.750
5	Tạ Thị Ngọc Thảo	Thành viên HĐQT	500.000	250.000
6	Nguyễn Văn Thảo	Trưởng BKS	-	-
7	Cai Hà Ái Mỹ	Thành viên BKS	-	-
8	Nguyễn Văn Tiến	Thành viên BKS	-	-
9	Ngô Hoàng Yến	Kế toán trưởng	224.000	112.000
10	Trần Ngọc Phụng	Cổ đông lớn	800.000	400.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>5.061.500</b>	<b>2.530.750</b>

## 5.2. Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập

Theo Điều 119 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ra ngày 26/11/2014: *“Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.”*

STT	Tên cổ đông	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Trần Ngọc Phụng	Cổ đông sáng lập	320.000	2,67
	<b>Tổng cộng</b>		<b>320.000</b>	<b>2,67</b>

Như vậy, bà Trần Ngọc phụng vẫn còn 320.000 cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập, và sẽ bị hạn chế chuyển nhượng đến hết ngày 14/06/2019.

## 6. Phương pháp tính giá:

### 6.1. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của cổ phiếu DDG tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

Bảng 21

Chỉ tiêu	31/12/2016
<b>Vốn chủ sở hữu (A)(đồng)</b>	133.382.723.871

Số lượng cổ phần đang lưu hành (B) (bình quân)	12.000.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C) = (A)/(B)(đồng)	11.115

## 6.2. Phương pháp định giá

### a. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành chế biến thực phẩm nông sản mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### b. Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành chế biến thực phẩm nông sản mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

*Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên và các phương pháp định giá phù hợp khác, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu DDG sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.*

## 7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Sau khi đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam có hiệu lực ngày 01/09/2015, trong đó qui định như sau:

*“1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:*

*a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;*

b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác."

Tuy nhiên, do hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài cụ thể đối với ngành nghề kinh doanh của các công ty đại chúng theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP đặc biệt là lĩnh vực hoạt động của Đông Dương, cho nên Công ty để mức sở hữu tối đa đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Công ty là 49% tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch.

Tại thời điểm 28/11/2017, số lượng cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương là 0%

## 8. Các loại thuế có liên quan

### ❖ Đối với Công ty:

**Thuế thu nhập doanh nghiệp:** theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

**Thuế giá trị gia tăng (VAT):** Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng hiện nay là 10%

Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### ❖ Đối với nhà đầu tư:

Theo Nghị định 165/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC hướng dẫn ngày 15 tháng 08 năm 2013 thì các cá nhân hoạt động chuyển nhượng chứng khoán đều phải nộp thuế thu nhập cá nhân, với mức thuế suất được áp dụng là 20% trên thu nhập chịu thuế hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán. Đồng thời, lợi tức cổ phần của các cá nhân cũng chịu thuế thu nhập cá nhân. Ngoài ra, còn có các văn bản khác hướng dẫn cụ thể về chính sách thuế liên quan đến lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Các nhà đầu tư sẽ áp dụng các quy định gần nhất để tính và nộp thuế khi thực hiện hoạt động đầu tư.

Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu.

Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.



---

**PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

---

**1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, phường 4, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0283832 8964

Fax: 0283834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

**2. TỔ CHỨC TƯ VẤN****Công ty cổ phần Chứng Khoán SJC**

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3911 9999

Fax: 028 3911 8888

Email: info@sjcs.com.vn

Website: www.sjcs.com.vn

---

**PHẦN VII. PHỤ LỤC**

---

**Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

**Phụ lục II** : Điều lệ Công ty;

**Phụ lục III** : Các BCTC kiểm toán năm 2016;

**Phụ lục IV** : Giới thiệu văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết;

**Phụ lục V** : Báo cáo về những tranh chấp pháp luật

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP  
XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**TRẦN KIM SA**

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**



**NGÔ HOÀNG YÊN**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**NGUYỄN VĂN THẢO**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**HUỲNH ANH TUẤN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG**

**308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh**

**Điện thoại: 028 3810 7899 – 3810 7669**

**Fax: 028 3810 7218 - 3810 7219**

**Email: [info@dongduongcorp.com.vn](mailto:info@dongduongcorp.com.vn)**